

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN MỸ

THUYẾT MINH

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
XÃ AN MỸ, HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2030
ĐỊA ĐIỂM: XÃ AN MỸ, HUYỆN MỸ ĐỨC

TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH

VIỆN NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ NÔNG THÔN (IPU)

HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

MỸ ĐỨC, THÁNG 12 NĂM 2018

THUYẾT MINH
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
XÃ AN MỸ, HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2030

....., ngày tháng năm 2018

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ HUYỆN
KT. TRƯỞNG PHÒNG

Lê Quang Hòa

....., ngày tháng năm 2018
ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN MỸ
CHỦ TỊCH

....., ngày tháng năm 2018
CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH
VIỆN NC QUY HOẠCH VÀ TKĐT NT
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Trần Quốc Tuấn

Ths. KTS. Vũ Lan Anh

CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

PHÓ VIỆN TRƯỞNG : THS.KTS. VŨ LAN ANH

THỰC HIỆN:

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN: TS. NGUYỄN HOÀNG MINH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: TS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
TS. KTS. LÊ XUÂN HÙNG

QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC
CHỦ TRÌ: THS.KTS. NGHIÊM QUỐC CƯỜNG
KTS. HOÀNG KIM THỦY
KTS. NGUYỄN THỊ THANH TÂM
KTS. VŨ TUẤN LINH
KTS. LÊ VĂN HOÀNG

HẠ TẦNG KỸ THUẬT
QUY HOẠCH GIAO THÔNG: KS. NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA
KS. HOÀNG THUYỀN
KS. TÔ NGỌC THẮNG
QUY HOẠCH ĐIỆN, CHIẾU SÁNG: KS. PHẠM THỊ THU HUYỀN
QUY HOẠCH CẤP NƯỚC: KS. ĐỒNG THỊ BÔNG
KS TRÀ THỊ BÍCH HẠNH
KS. NGUYỄN ĐÌNH SƠN
QUY HOẠCH DMC: THS. KS. PHẠM HOÀNG HẢI
KS. TRẦN QUANG ĐẠT

MUC LUC

I. PHẦN MỞ ĐẦU	8
1.1. Lý do và sự cần thiết.....	8
1.2. Cơ sở nghiên cứu thiết kế:	9
1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ của đồ án:.....	10
II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG	12
2.1. Vị trí và giới hạn khu vực lập quy hoạch.....	12
2.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên	12
2.3. Hiện trạng kinh tế - xã hội.	13
2.4. Hiện trạng sử dụng đất.....	15
2.5. Hiện trạng về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.....	17
2.6. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã.	25
2.7. Đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới.	26
III. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI	29
3.1. Tiềm năng và định hướng phát triển KT-XH của Xã	29
3.2. Môi quan hệ không gian của xã với bối cảnh phát triển.....	30
3.3. Tính chất, chức năng.....	31
3.4. Quy mô dân số	31
3.5. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chính	32
3.6. Dự báo loại hình, tính chất kinh tế chủ đạo.	33
IV. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ	35
4.1. Quan điểm.....	35
4.2. Điều chỉnh cấu trúc tổ chức không gian xã	35
4.3. Điều chỉnh định hướng xây dựng hệ thống công trình công cộng, dịch vụ.....	38
4.4. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ.	42
4.5. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp	44
4.6. Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã	52
V. ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	53
5.1. Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện:	53
5.2. Xác định diện tích cho nhu cầu phát triển cho từng loại đất:	54
5.3. Các điều chỉnh đất đai:.....	54
VI. QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT	66
6.1. Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã. Xác định khu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất:	66
6.2. Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật:.....	67
VII. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC	77

7.1 Phần mở đầu	77
7.2. Các vấn đề và mục tiêu môi trường chính liên quan đến quy hoạch xây dựng....	78
VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	88
PHỤ LỤC 01: HỒ SƠ BẢN VẼ.....	89

DANH MỤC HÌNH ẢNH

<i>Hình 1: Vị trí khu vực lập quy hoạch</i>	12
<i>Hình 2: Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất</i>	15
<i>Hình 3: Trường Mầm non An Mỹ</i>	17
<i>Hình 4: Trường tiểu học An Mỹ</i>	18
<i>Hình 5: Trường THCS An Mỹ</i>	19
<i>Hình 6: Trường THPT Mỹ Đức</i>	19
<i>Hình 7: Công trình y tế</i>	20
<i>Hình 8: Nhà văn hóa thôn</i>	20
<i>Hình 8: Công trình tôn giáo tín ngưỡng trong các thôn</i>	21
<i>Hình 9: Định hướng không gian huyện Mỹ Đức</i>	29
<i>Hình 10: Định hướng không gian xã An Mỹ theo QHC huyện Mỹ Đức</i>	30
<i>Hình 11: Định hướng cấu trúc không gian xã An Mỹ</i>	36
<i>Hình 12: Quy hoạch sử dụng đất xã An Mỹ</i>	53
<i>Hình 13: Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật xã An Mỹ</i>	66

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất của xã An Mỹ năm 2017</i>	16
<i>Bảng 2: Bảng thống kê cốt nền hiện trạng</i>	23
<i>Bảng 3: Bảng thống kê hiện trạng nghĩa trang toàn xã</i>	25
<i>Bảng 4: Bảng thống kê hiện trạng bãi rác thải xã</i>	25
<i>Bảng 5: Tổng hợp hiện trạng trên cơ sở bộ tiêu chí nông thôn mới</i>	26
<i>Bảng 6: Bảng dự báo Quy mô lao động</i>	31
<i>Bảng 7: Dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế</i>	34
<i>Bảng 8: Bảng thống kê vị trí quy hoạch phát triển lúa chất lượng cao</i>	45
<i>Bảng 9: Thống kê diện tích mở rộng quy hoạch đất nuôi trồng kết hợp Lúa - Cá</i>	47
<i>Bảng 10: Bảng tổng hợp đất đai xây dựng</i>	54
<i>Bảng 11: Bảng tổng hợp điều chỉnh đất so với quy hoạch đã duyệt</i>	56

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Lý do và sự cần thiết

Thực hiện chủ chương của Đảng và chương trình hành động của Chính phủ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 21/4/2010 về xây dựng nông thôn mới Thành phố Hà Nội giai đoạn 2010-2020, định hướng 2030 và UBND Thành phố ban hành quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 25/5/2010 về phê duyệt đề án Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2010-2020, định hướng 2030;

Ngày 26/4/2016, Thành ủy Hà Nội ban hành Chương trình số 02-CTr/TU về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016-2020, với mục tiêu chung xây dựng nông thôn mới Thủ đô Hà Nội có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội nông thôn được bảo đảm, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại. Trong đó, nhiệm vụ nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch đã được cụ thể hóa bằng rà soát quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chung xã nông thôn mới; bổ sung Quy hoạch khu trung tâm xã; Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn, đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng huyện đã được phê duyệt.

Huyện Mỹ Đức là một huyện thuần nông nằm phía Tây Nam, cách thành phố Hà Nội khoảng 50km. Xã An Mỹ thuộc có vị trí thuận lợi về giao thông nên có nhiều tiềm năng phát triển thương mại, dịch vụ, cung cấp lao động và các sản phẩm hàng hóa, đặc biệt là hàng nông sản chất lượng cao cho thị trường tiêu thụ rộng lớn như trung tâm Thành phố Hà Nội cũng như nằm trong khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh.

Xã An Mỹ thuộc huyện Mỹ Đức có diện tích tự nhiên 606,57ha, nằm cách trung tâm huyện Mỹ Đức 4,5km về phía Bắc. An Mỹ thuộc khu vực kinh tế phía Bắc huyện đã được xác định trong quy hoạch chung xây dựng huyện Mỹ Đức đến năm 2030, phê duyệt tại quyết định số 4465/QĐ-UBND ngày 27/8/2014. Đề án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức lập năm 2012 đã được UBND huyện Mỹ Đức phê duyệt tại Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 18/09/2012 hiện đã có nhiều thay đổi đòi hỏi cần phải điều chỉnh phù hợp với định hướng quy hoạch chung và thực tiễn phát triển nông thôn mới.

Do vậy, đề án: **“Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đến năm 2030”** là nội dung cấp thiết nhằm cụ thể hóa định hướng quy hoạch chung, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển nông thôn và tạo động lực mới cho thúc đẩy các hoạt động kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng phát triển sản xuất, thương mại dịch vụ xã An Mỹ.

1.2. Cơ sở nghiên cứu thiết kế:

1.2.1. Các cơ sở pháp lý

a. Các văn bản luật

- Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21/11/2012;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- Luật Quy Hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014

b. Các văn bản sau luật

Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ, về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/09/2009 của Bộ xây dựng, ban hành kèm theo Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn;

Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/09/2009 của Bộ xây dựng, ban hành kèm theo QCVN 14:2009 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn quy hoạch xây dựng nông thôn;

Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Văn bản số 17/BXD – KTQH ngày 13/04/2012 của Bộ xây dựng, về việc một số vướng mắc trong quá trình triển khai các đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 1259/QĐ – TTg ngày 26/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành tiêu chí nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 1980/QĐ- TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND Thành phố Hà Nội, về việc Ban hành định mức kinh phí lập quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới địa bàn Thành phố Hà Nội;

Chương trình số 02- Ctr/TU của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển nông nghiệp,

xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao đời sống nhân dân”;

Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 06/10/2016 của UBND Thành phố thực hiện Chương trình số 02-Ctr/TU ngày 26/04/2016 của Thành ủy Hà Nội về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 03/04/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

Quyết định số 4465/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng huyện Mỹ Đức đến năm 2030.

Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện Mỹ Đức về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã An Mỹ huyện Mỹ Đức đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 06/12/2016 tại kỳ họp thứ ba - Hội đồng nhân dân xã An Mỹ khóa XIX nhiệm kỳ 2016-2021.

Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của UBND huyện Mỹ Đức về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, đến năm 2030.

Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 2/4/2018 của UBND huyện Mỹ Đức về việc phê duyệt đề cương và dự toán chi phí lập Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, đến năm 2030.

Tài liệu số liệu, một số các dự án liên quan khu vực lập quy hoạch

1.2.2. Các tài liệu, số liệu, bản đồ phục vụ việc lập quy hoạch

- Hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Mỹ Đức đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 đã phê duyệt

- Hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

- Các đồ án, dự án đầu tư, chương trình phát triển nông thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt liên quan trong khu vực nghiên cứu.

1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ của đồ án:

1.3.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011, Quyết định 4465/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội về phê duyệt quy hoạch chung xây dựng huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đến năm 2030, Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới của Chính phủ và các đồ án quy hoạch cấp trên khác được duyệt và đảm bảo đầy đủ các tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới, mục tiêu đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định của Chính phủ.

- Xây dựng mô hình tổ chức không gian, hình thành các khu chức năng đáp ứng

các nhu cầu phát triển và khai thác quỹ đất của xã.

- Hoàn thiện, kết nối cơ sở hạ tầng kỹ thuật xã (giao thông, điện, cấp và thoát nước...); xây dựng, cải tạo công trình; cảnh quan đáp ứng các chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 2072/ QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội;

- Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển dịch vụ, xác định các tiêu chí phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái...nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Đề xuất các dự án cần ưu tiên đầu tư và nguồn lực cho phù hợp với bước phát triển trong những năm tới.

- Xây dựng quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư, và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt, quản lý đất đai và quy định của pháp luật.

- Bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị truyền thống, làm động lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

1.3.2. Nhiệm vụ:

Xác định quy mô diện tích và cơ cấu phù hợp với quy hoạch phát triển chung của xã hội, đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng đô thị khi lập quy hoạch chi tiết.

Bám sát địa hình, đảm bảo việc kết nối tốt với hệ thống giao thông tỉnh quốc lộ, tỉnh lộ và hệ thống giao thông trong khu vực.

Xác định hệ thống danh mục các công trình cần đầu tư xây dựng mới, phân kỳ giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình gồm: các công trình hành chính chính trị, các công trình nhà ở và các công trình công cộng dịch vụ, thương mại, giáo dục.

Các công trình xây dựng phải phù hợp với cảnh quan chung của khu vực. Đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, hạ tầng kỹ thuật không làm ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước của khu vực dân cư hiện có.

Việc xây dựng, khai thác sử dụng công trình không làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật, việc sản xuất nông nghiệp, tiêu thoát nước, hoạt động của dân cư khu vực xung quanh;

II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG

2.1. Vị trí và giới hạn khu vực lập quy hoạch

2.1.1. Ranh giới lập quy hoạch:

- Vị trí: Khu vực nghiên cứu nằm phía Bắc huyện Mỹ Đức

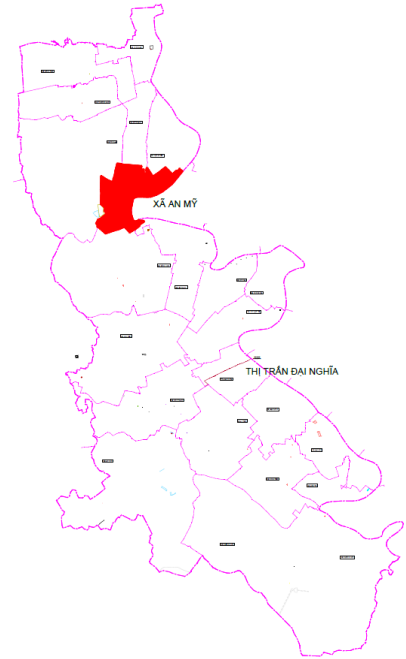
- Phạm vi ranh giới nghiên cứu toàn bộ ranh giới hành chính xã An Mỹ (có sơ đồ kèm theo)

+ Phía Bắc giáp xã Mỹ Thành và xã Bột Xuyên

+ Phía Nam giáp xã Hồng Sơn và xã Lê Thanh.

+ Phía Đông giáp huyện Ứng Hòa (ranh giới tự nhiên là sông Đáy).

+ Phía Tây giáp xã Tuy Lai.



Hình 1: Vị trí khu vực lập quy hoạch

2.1.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Quy mô diện tích đất khoảng 606,57ha

- Theo QHC xã An Mỹ đã phê duyệt dự báo quy mô dân số đến 2020 là 7.805 người. Quy mô dân số dự báo đến năm 2030 là 8.846 người.

2.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

2.2.1. Đặc điểm địa hình, đất đai

Xã An Mỹ thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, có địa hình tự nhiên bằng phẳng, độ dốc nền thấp. Cao độ tự nhiên trung bình 4-5,2m. Thấp dần từ đông sang Tây, thuận lợi cho việc tưới tiêu, tự chảy từ nguồn nước sông Đáy.

- Tài nguyên đất: Tổng diện tích đất tự nhiên là 606,57ha.

- Tài nguyên nước: Nguồn nước mặt trong các hệ thống sông, ao hồ trên địa bàn xã được cung cấp từ nước mưa, tuy nhiên phân bố không đồng đều theo không gian, lưu lượng phụ thuộc vào từng mùa và địa hình từng khu vực. Nước sinh hoạt chủ yếu là nước mưa và nước giếng khoan do các hộ gia đình tự khai thác.

Tổng diện tích mặt nước chuyên dùng là 2,86ha, đất kênh rạch là 26,89 ha và đất nuôi trồng thủy sản là 30,92ha.

- Tài nguyên khoáng sản: An Mỹ là xã đồng bằng, hiện chưa phát hiện có nguồn

khoáng sản nào có trữ lượng lớn.

2.2.2. Khí hậu

Thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ, mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thời tiết trong năm chia làm 4 mùa.

Nhiệt độ và lượng mưa:

- Nhiệt độ trung bình năm 23,1° C.

- Nhiệt độ trung bình cao nhất 36°C - 38°C (tháng 6),

- Nhiệt độ thấp nhất vào tháng 1 hàng năm là 10°C-12°C có khi kèm theo sương muối.

Lượng mưa hàng năm từ 1.500mm đến 1.700mm phân bố trong năm không đều, độ ẩm không khí là 70-85%

Hướng gió chủ đạo: hướng gió thịnh hành về mùa khô là gió mùa đông bắc từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Còn lại các tháng khác trong năm chủ yếu là gió Nam, gió Tây nam và gió Đông nam.

2.2.3. Địa chất thủy văn

- Chịu chế độ thủy văn sông Đáy và 1 số mạch nước ngầm, ao hồ nhỏ.

- Nhờ có nền địa hình tương đối thuận lợi dốc theo hướng Đông sang Tây thuận lợi cho việc tưới tiêu, tự chảy từ nguồn nước sông Đáy.

2.2.4. Cảnh quan thiên nhiên

Là một xã thuần nông với truyền thống sinh hoạt theo làng, xóm; các công trình tín ngưỡng tôn giáo như: đình, chùa, nhà thờ đạo, miếu... Vẫn được gìn giữ và là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của người dân trong xã, một số công trình đã được công nhận di tích lịch sử văn hóa, nên văn hoá địa phương mang đậm bản sắc văn hoá làng, xã Việt Nam. Vì vậy, việc bảo tồn, phát triển văn hóa bản địa càng tăng thêm giá trị.

2.3. Hiện trạng kinh tế - xã hội.

2.3.1. Hiện trạng hoạt động kinh tế

Giá trị sản xuất năm 2017 (theo giá 2010) ước đạt 230 tỷ đồng bằng 112,4% so với kế hoạch, bằng 122% so với cùng kỳ; Trong đó giá trị sản xuất ngành nông nghiệp 66,2 tỷ đồng; Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 76 tỷ đồng; Giá trị ngành dịch vụ và thương mại 69,8 tỷ đồng; từ lương hưu trợ cấp bảo hiểm xã hội 18 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người ước đạt 36 triệu đồng; Cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển biến tích cực tỷ trọng nông nghiệp, thủy sản 31,3%; Công nghiệp, xây dựng cơ bản 35,8%; Dịch vụ thương mại 32,9%.

Sản xuất Nông nghiệp:

Tổng giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp 66,2 tỷ đồng, bằng 112,5% so với cùng kỳ; bằng 105,9% so với kế hoạch;

a) Trồng trọt:

Tổng diện tích gieo trồng bằng 89% so với cùng kỳ;

- Diện tích trồng lúa cả năm bằng 94% so với cùng kỳ, năng suất bình quân cả năm đạt 66,1 tạ/ha; Tổng sản lượng lương thực đạt 3898 tấn bằng 102,5% so với cùng kỳ;

- Diện tích thu hoạch cây ăn quả bằng 107% so với cùng kỳ;

- Diện tích thu hoạch khoai tây vụ xuân 37,7 ha;

- Diện tích thu hoạch rau các loại 9 ha;

- Diện tích thu hoạch cây đậu tương vụ đông 79 ha bằng 46,7% so với cùng kỳ;

Tổng giá trị sản phẩm ngành trồng trọt ước đạt 34,5 tỷ đồng, so với cùng kỳ bằng 115,7 %.

*** Công tác khuyến nông:**

Ban điều hành HTX Nông nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện và áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật trong sản xuất, thực hiện gieo xạ lúa bằng dàn kéo tay 58% tổng diện tích gieo cấy toàn xã; chuẩn bị ứng trước vật tư như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho nhân dân;

Phối hợp với trạm bảo vệ thực vật huyện Mỹ Đức tổ chức 03 lớp tập huấn cho 210 hộ về kỹ thuật chăm sóc cây ăn quả và kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm.

*** Công tác Bảo vệ thực vật:**

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, tuyên truyền vận động, cấp phát tờ rơi, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng, tổ chức 5 đợt đánh bả chuột trên diện tích gieo cấy toàn xã;

b) Công tác Chăn nuôi - Thú y:

Ban chăn nuôi thú y, chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch tiêm vắc xin phòng các loại dịch, bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; Tổ chức phun thuốc tiêu độc, khử trùng, duy trì công tác kiểm soát giết mổ, kiểm tra việc vận chuyển sản phẩm thịt gia súc, gia cầm, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn;

Kết quả năm 2018, tổng đàn trâu bò có 121 con bằng 115,2% so với cùng kỳ, tổng đàn lợn có 11650 con bằng 102,2% so với cùng kỳ; đàn gia cầm 32200 con bằng 96% so với cùng kỳ; thủy sản 35,5 ha bằng 100% so với cùng kỳ.

Giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi ước đạt 31,7 tỷ đồng, so với cùng kỳ bằng 109,3%.

c) Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và xây dựng:

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp duy trì phát triển ở mức khá, giá trị sản xuất ước đạt 76 tỷ đồng so với kế hoạch bằng 124 %, so với cùng kỳ bằng 140%; trong đó giá trị đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 ước đạt 35 tỷ đồng; giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp đạt 41 tỷ đồng sản phẩm tiểu thủ công nghiệp vẫn tập trung chủ yếu là chế biến nông sản, thực phẩm, may gia công;

d) Dịch vụ và thương mại:

Ngành dịch vụ đã có bước phát triển khá, các loại hình thương mại tập trung chủ yếu tại khu trung tâm đáp ứng nhu cầu nhân dân trong xã nói riêng và khu vực phía bắc huyện nói chung.

Doanh thu ước đạt 69,8 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 109%, bằng 121 % so với cùng kỳ;

2.3.2. Hiện trạng dân số, lao động

* Theo kết quả điều tra năm 2017 dân số xã An Mỹ là 7.796 người, khoảng 1.724 hộ có thành phần 100% dân tộc Kinh phân bố trên 03 thôn

+ Thu nhập bình quân đầu người:

Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2018 đạt 41,2 triệu đồng/người/năm.

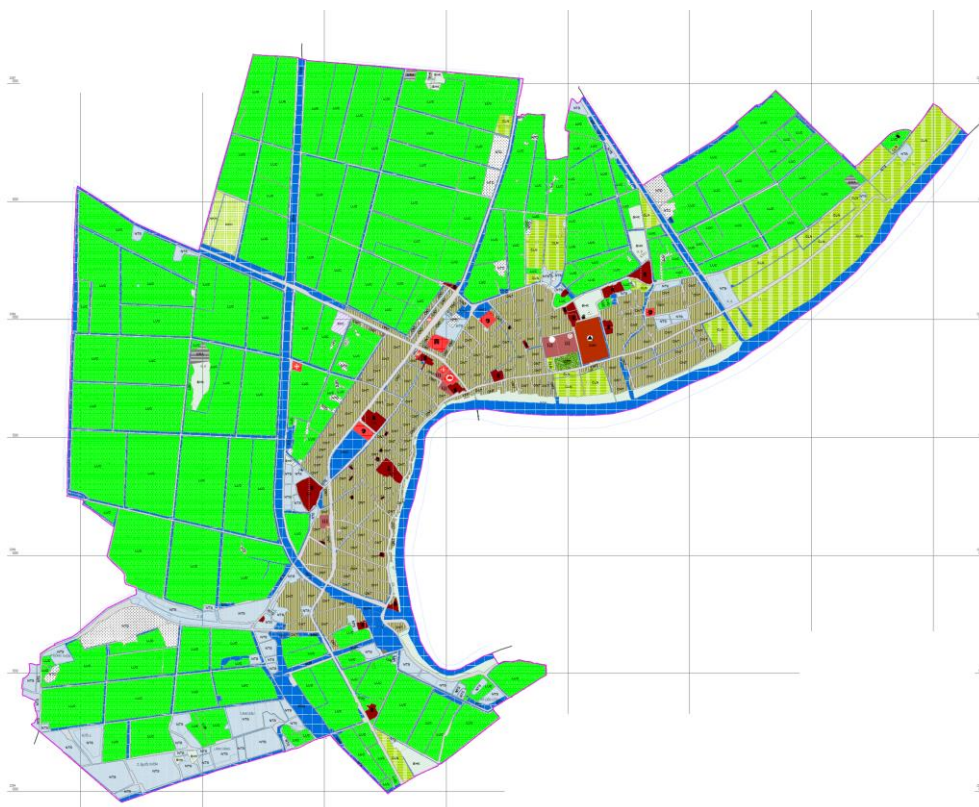
+ Tỷ lệ hộ nghèo: Tổng số 204 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 11,6% so với tổng số hộ trên toàn xã). Tỷ lệ hộ nghèo vẫn ở mức cao.

+ Cơ cấu lao động:

- Lao động trong độ tuổi: 4.755 người chiếm 62,04% dân số. Trong đó lao động nông nghiệp 3.211 người chiếm 72,4%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 754 người chiếm 17%, thương mại và dịch vụ 470 người chiếm 10,6%.

- Số lao động qua đào tạo khoảng 1.126 người chiếm tỷ lệ 25,4% (chủ yếu qua đào tạo nghề ngắn hạn).

2.4. Hiện trạng sử dụng đất



Hình 2: Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất của xã An Mỹ năm 2017

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		606.57	100
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	406.15	66.96
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	372.15	61.35
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	362.63	59.78
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	333.41	54.97
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	29.22	4.82
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	9.52	1.57
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP		
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX		
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	30.92	5.10
1.4	Đất làm muối	LMU		
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	3.08	0.51
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	200.42	33.04
2.1	Đất ở	OCT	59.66	9.84
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	59.66	9.84
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	96.37	15.89
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0.25	0.04
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP		
2.2.3	Đất an ninh	CAN		
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	4.54	0.75
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	3.98	0.10
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	87.01	14.34
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1.47	0.24
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3.64	0.60
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	9.45	1.56
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	26.89	4.43
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2.86	0.47
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0.08	0.01
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD		
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS		
4	Đất có mặt nước ven biển	MVB		
4.1	Đất mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản	MVT		
4.2	Đất mặt nước ven biển có rừng ngập mặn	MVR		
4.3	Đất mặt nước ven biển có mục đích khác	MVK		

2.5. Hiện trạng về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

2.5.1. Hiện trạng về nhà ở.

- Hiện xã có 1.724 hộ gia đình phân bố tại 03 thôn.

Tổng số có 1.724 nhà, trong đó: Số nhà kiên cố (chủ yếu là tường xây, mái bê tông, lợp ngói) 582 nhà, chiếm 40,2%; nhà bán kiên cố và nhà cấp 4 là 866 nhà chiếm 59,8%, trong toàn xã hiện nay không có nhà tạm, nhà dột nát. Có 25 nhà xuống cấp của các hộ nghèo cần cải tạo.

- Tình trạng chung về xây dựng nhà ở: Được xây dựng theo kiểu dáng kiến trúc truyền thống của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng chủ yếu theo hướng đông nam với công trình phụ liền kề, sân phơi, tường bao. Mỗi năm có khoảng 40 nhà xây mới.

Nhận xét: Điều kiện ăn ở, sinh hoạt của người dân xã An Mỹ ở mức trung bình so với các xã trong huyện Mỹ Đức.

2.5.2. Hiện trạng công trình công cộng.

2.5.2.1. Công trình hành chính sự nghiệp.

- Tổng diện tích trụ sở UBND xã là 2.514m².

- UBND xã xây dựng năm 2004, hiện tại còn thiếu nhiều các phòng ban làm việc và phòng họp cho Đảng ủy, các đoàn thể, phòng làm việc của trưởng phó công an.

- Trụ sở UBND còn thiếu nhiều trang thiết bị cần mua sắm đầy đủ.

2.5.2.2. Công trình giáo dục.

+ Trường mầm non: Tổng có 300 học sinh với 46 giáo viên, 3 cán bộ quản lý, 22 nhân viên.

Khu lẻ thôn Kinh Đào



Hình 3: Trường Mầm non An Mỹ

- Phòng học: Hiện có 12 phòng học, trong đó có 4 phòng kiên cố đạt chuẩn, 8 phòng đã xuống cấp cần cải tạo.. Nhà trường còn thiếu nhiều trang thiết bị cần mua sắm đầy đủ.

Khu trung tâm thôn Đoan Nữ:

Trường đã có 08 phòng học đạt chuẩn và các phòng như: Phòng hiệu trưởng, phòng hiệu phó, phòng y tế, phòng kế toán văn thư, hội trường vừa được hoàn thiện thi công đưa vào sử dụng.

+ Trường tiểu học



Hình 4: Trường tiểu học An Mỹ

- Trường đã đạt chuẩn quốc gia mức 1 năm 2000. Được đặt tại 1 điểm khu trung tâm thôn Kinh Đào diện tích 6.927m². Trung bình 17,38m²/1hs. Diện tích đạt tiêu chuẩn.

- Trường hiện có 18 phòng học (khu trung tâm 14 phòng, khu lẻ 4 phòng) đã được kiên cố hóa với diện tích 45m²/phòng.

- Nhà trường chưa có các phòng bộ môn, phòng phục vụ học tập.

- Nhà trường đã có các phòng gồm phòng hiệu trưởng, phòng hiệu phó, hội trường, văn phòng trường hiện đã xuống cấp cần xây dựng lại. Còn thiếu phòng y tế học đường, phòng thường trực, nhà kho đang trong quá trình thi công.

- Nhà trường còn thiếu nhiều trang thiết bị cần mua sắm bổ sung.

+ Trường THCS

- Trường có 1 điểm đặt tại thôn Kinh Đào diện tích 4.967m² với tổng số học sinh là 360 học sinh. Trung bình 13,7m²/1hs. Như vậy diện tích đạt tiêu chuẩn.

- Phòng học có 16 phòng được xây kiên cố 2 tầng đạt chuẩn.

- Khối phòng hành chính quản trị hiện có 1 phòng hội đồng, 2 phòng hiệu phó, phòng hiệu trưởng, phòng y tế kết hợp cùng phòng hành chính quản trị. Tất cả những phòng này đã xuống cấp và diện tích nhỏ, còn thiếu nhà kho, phòng tổ chuyên môn, hội trường, phòng y tế, phòng thường trực, phòng tổ chức Đảng đoàn thể.... đang trong quá trình thi công xây dựng.

- Chưa có hệ thống nước sạch và hệ thống rãnh thoát nước.

- Thiếu nhiều trang thiết bị cần mua sắm đạt chuẩn.



Hình 5: Trường THCS An Mỹ

+ Trường THPT

Điểm trường THPT Mỹ Đức với tổng diện tích 2.86 ha đặt tại thôn Tảo Khê.



Hình 6: Trường THPT Mỹ Đức

2.5.2.3. Trạm y tế.

Đã xây mới trạm y tế với tổng diện tích khoảng 1467 m²

- Gồm các phòng: phòng trực, phòng sản, phòng sau đẻ, phòng dược, phòng khám...đạt tiêu chuẩn.

- Nhân lực: Trạm y tế có 8 người (1 bác sỹ, 3 y sỹ đa khoa, 1 dược sỹ, 1 nữ hộ sinh, 1 điều dưỡng, 1 bảo vệ).

Phòng khám đa khoa khu vực An Mỹ với diện tích khoảng 1270 m².

- Phòng khám 3 tầng, xây dựng kiên cố. Gồm có khối phòng chức năng, bảo vệ và sân chung.



Hình 7: Công trình y tế

2.5.2..4. Chợ nông thôn.

Chợ có diện tích 4.700m² đặt tại ngã tư trung tâm Kinh Đào được xây dựng hoàn thiện năm 2005. Trong chợ có 2 dãy nhà cầu nằm ở giữa và hệ thống 43 kiốt chạy xung quanh, hệ thống đường vào chợ đã được cứng hóa. Chợ chưa có hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống nước, khu vệ sinh và để xe, nơi tập trung rác thải cần được xây mới.

2.5.2.5. Thông tin liên lạc.

Có 02 điểm bưu điện văn hóa xã, điểm thứ nhất giáp nhà trẻ thôn Đoàn Nữ với diện tích 152,8m², có hòm thư công cộng, có máy vi tính đã kết nối mạng Internet và một số sách báo, tạp chí phục vụ đọc sách báo miễn phí cho nhân dân. Và bưu điện xây dựng đã lâu nên cơ sở vật chất xuống cấp, cần cải tạo lại. Điểm bưu điện thứ hai tại ngã tư đường đi Tuy Lai giao với đường 419 với diện tích 612m². Đã có đường truyền internet đến UBND, các trường học, trạm y tế, và một số thôn. Tuy nhiên chất lượng đường truyền còn thấp, cần nâng cấp.

2.5.2.6. Văn hoá thể thao.



Hình 8: Nhà văn hóa thôn

- Nhà văn hóa xã: Chưa có.

- Khu thể thao xã: Có 01 sân bóng đá với diện tích khoảng 6.200m². Hiện tại, mặt sân cỏ mọc tự nhiên, chưa có kết cấu hạ tầng cần quy hoạch để xây dựng khu thể thao xã và thiết bị đạt chuẩn.

- Nhà văn hóa thôn: Toàn xã có 3 nhà văn hóa ở 3 thôn. Nhà văn hóa Đoàn Nữ diện tích 3700m². Nhà văn hóa thôn Kinh Đào diện tích 1200m². Nhà văn hóa thôn Tảo Khê diện tích 1200m². Trong đó nhà văn hóa thôn Kinh Đào là nhà cấp 4 hiện đã xuống cấp, nhà văn hóa thôn Đoàn Nữ đang được đầu tư xây mới, nhà văn hoá thôn Tảo Khê mới được cải tạo.

- Khu thể thao thôn: Có 03 thôn có sân chơi cầu lông nằm trong khuôn viên của nhà văn hóa.

Các công trình đất tôn giáo tín ngưỡng.

Toàn xã có 3 chùa và 3 đình tại 3 thôn trong đó 3 đình đều được công nhận là di tích lịch sử văn hoá cần tôn tạo lại. Quán thôn Đoàn Nữ đã được xếp hạng di tích lịch sử (gồm Đền Ông và Đền Bà) .

Các công trình tín ngưỡng trên địa bàn xã bao gồm Đền Đoàn Nữ 9657,9m², Nhà thờ Đạo 5999m², Đình Đoàn Nữ 5540,8m², Chùa Đoàn Nữ 2367m², Miếu Kinh Đào 34m², Đình Kinh Đào 2160,8m², Chùa Kinh Đào 2240,1m², Chùa Tảo Khê 2192m², Miếu Tảo Khê 167m², Chùa Tảo Khê 2927m², Đình Tảo Khê 5296m², Miếu Tảo Khê 4309m² và các nhà thờ họ trong xã.



Hình 9: Công trình tôn giáo tín ngưỡng trong các thôn

2.5.3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường

+ Giao thông:

Mạng đường chính của xã bao gồm tuyến đường Tỉnh lộ 419, tuyến liên xã đi Tuy Lai, tuyến Đê Đáy và các tuyến đường trục thôn. Theo sơ đồ mạng hiện nay, tuyến chính chạy dọc theo chiều dài của xã có 2 tuyến chính là Tỉnh lộ 419 và Đê Đáy. Các tuyến đường liên thôn phát triển theo chiều dọc của xã kết nối với tuyến Tỉnh lộ và đường đi Tuy Lai tạo ra sự liên thông giữa các thôn.

- Đường đê Đáy: đi qua địa bàn xã An Mỹ có chiều dài khoảng 4127 m bắt đầu từ xã Bột Xuyên tới xã Lê Thanh. Hiện nay, tuyến đang được nâng cấp, cải tạo: có mặt đường B mặt = 3m; nền đường B nền = 5,0m, chia làm các đoạn nhỏ là đường bê tông nhựa, bê tông xi măng và đường cấp phối.



- Đường 419: Đoạn đi qua xã chiêu dài khoảng 3421m. Đang tiến hành chỉnh trang, nâng cấp.



- Đường trục xã: Là tuyến đường từ đê Đáy đi Tuy Lai với chiều dài khoảng 1293m bắt đầu từ đê Đáy tới bưu điện. Nền đường hiện trạng rộng 1 – 2.5 m; mặt đường 9m bao gồm cả đường nhựa và đường bê tông xi măng.

- Tuyến đường liên thôn:

Đường liên thôn là tuyến đường gắn kết giữa thôn Tảo Khê, thôn Đoàn Nữ và thôn Kinh Đào. Chiều dài 2295m. Nền đường rộng 2-2,5m; mặt đường rộng 2,5-3m. Kết cấu BTXM, và BT nhựa đã xuống cấp

- Tuyến đường trục thôn:

Đường trục thôn dài 5,861km, mặt cắt từ 2-4m, Hiện có 5,831km đã bê tông hóa trong đó 5,138km đã xuống cấp cần cải tạo và mở rộng đạt mặt cắt từ 4-6m. Còn khoảng 0,03km là đường đất cần cứng hóa.

- Tuyến đường ngõ xóm:

Đường ngõ xóm có chiều dài khoảng 13,057km mặt cắt ngang đường từ 2-3m mặt đường bê tông và còn khoảng 2,934km đường đất. Chưa có hệ thống thoát nước trong khu dân cư, nước được thoát sang 2 bên đường.

- Đường trục nội đồng:

Tổng chiều dài 9,479km với rộng mặt nhỏ hơn 4m, rộng nền 5-6m, hiện trạng đa phần là đường đất cần bê tông hóa. Hiện toàn xã có 113 cái cống nằm trên đường nội đồng với chiều dài từ 2-8m, chiều rộng từ 0,3-0,8m.

Các tuyến đường nội đồng cũng có bề rộng nền đường nhỏ, chỉ dành cho các phương tiện xe cơ giới có tải trọng nhẹ và xe thô sơ; 100% là đường đất, chất lượng xấu.

Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường giao thông đã xây dựng đã lâu nên hiện tại đã xuống cấp nghiêm trọng, không đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân.

+ Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật:

- Nền xây dựng:

- Nền xây dựng: Nền đã xây dựng các công trình công cộng và dân dụng cao hơn cốt nền ruộng tự nhiên từ 0,5÷ 1,0 m. Cốt nền tự nhiên dao động từ 3,1÷ 7,4m, thấp dần từ đông sang tây, từ Bắc xuống Nam.

Bảng 2: Bảng thống kê cốt nền hiện trạng

STT	Tên Thôn	Hiện trạng
1	Thôn Đoan Nữ	- Cốt cao độ xây dựng khá thấp 3m -6,2m. Tình trạng ngập úng chỉ xảy ra trong khu vực nội đồng
2	Thôn Kinh Đào	- Cốt cao độ khu vực đã xây dựng 5,3m - 6,9m, Cao độ xây dựng khu vực trồng lúa thấp nhất là 3,4m .Tình trạng ngập úng chỉ xảy ra trong khu vực nội đồng
3	Thôn Tảo Khê	- Cao độ từ 4m - 7,4m. Tình trạng ngập úng chỉ xảy ra trong khu vực nội đồng

+ Hệ thống cấp thoát nước:

- Thoát nước mặt: Hiện tại hệ thống thoát nước xã An Mỹ chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật còn nhỏ hẹp, các hộ dân xả trực tiếp xuống các ao hồ xung quanh.

Vấn đề thoát nước trong tương lai là vô cùng cần thiết nhằm đảm bảo an toàn về Môi trường, tạo cho xã môi trường phát triển văn minh và bền vững.

Hiện tại hệ thống thoát nước toàn xã là hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước bản.

Phân lưu vực thoát nước:

Lưu vực 1: Khu vực trong đê. Hướng dốc địa hình từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam; nước mưa chảy theo các mương đất rồi chảy vào kênh 7, hiện trạng thoát qua cống dưới đê rồi chảy ra Sông Đáy.

Lưu vực 2: Khu vực ngoài đê. Hướng dốc địa hình từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam; nước mưa chảy theo hướng địa hình và 1 số mương vuông góc với đê rồi thoát ra sông Đáy

+ Cấp nước:

Hiện tại xã An Mỹ chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt.

Dân cư chủ yếu sử dụng nguồn nước mưa và nước giếng khoan cho sinh hoạt và sản xuất.

Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 100% hộ có giếng khoan, giếng đào, tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, nhà vệ sinh, bể nước) đạt 92,95%.

+ Hệ thống thủy lợi:

Diện tích được tưới tiêu: 340ha, diện tích hồ đập có khả năng trữ nước và cấp nước 30,7ha.

Trạm bơm: Xã có 07 trạm gồm:

- Trạm bơm tưới thôn Tảo Khê: 02 trạm (trạm Trại Tầm 1.000m³/h, trạm Vườn Mèo công suất 500m³/h).

- Thôn Kinh Đào: 03 trạm bơm tưới (trạm Vườn Vải công suất 1.000m³/h, trạm Bức Bò công suất 1.000m³/h, trạm Bài Láng công suất 1000m³/h).

- Thôn Đoan Nữ 01 trạm bơm tưới khu Đồng Muôn, 02 máy công suất 1.000m³/h/máy. 01 trạm bơm tiêu khu Đồng Dôi công suất 1.000m³/h.

Trong đó 5 trạm xuống cấp: trạm Bức Bò, trạm Vườn Mèo thôn Tảo Khê, Bài Láng thôn Kinh Đào, Đồng Muôn, Đồng Dôi thôn Đoan Nữ tiêu thoát nước cho 100ha (nhà chứa trạm bơm dột nát, xuống cấp, cần cải tạo, thay máy mới, tu bổ bể hút, xả do bị rò rỉ sạt lở, mương dẫn nước cần xây mới). Trong thời gian tới cần xây dựng mới 1 trạm bơm tại Đồng Muôn Làng với công suất 600m³/h.

Hệ thống kênh tưới: Kênh tưới do địa phương quản lý tổng chiều dài khoảng 14,473km trong đó đố cứng hóa được 8,473km, số kênh tưới chính còn lại cần kiên cố hóa là 6km.

Hệ thống kênh tiêu: dài 9,479km vì kênh mương tiêu nằm áp theo đường trục chính nội đồng nên khi cứng hóa đường trục nội đồng sẽ đồng thời kiên cố hóa kênh mương tiêu được 9,479km.

Có 5 cầu và 35 cống trên kênh hiện trạng số cầu cống này đều sử dụng tốt. Để thuận tiện cho sản xuất cần xây dựng mới 3 cầu qua kênh 7 của xã gồm cầu Húc Bò, Đồi Lục, Cống Rụt chiều dài 15m, mặt rộng 4m, cầu làm bằng bê tông sắt thép.

+ Hệ thống điện:

Có 10 trạm biến áp:

- 03 Trạm thôn Kinh Đào 320KVA và 400KVA, 560KVA

- 02 Trạm thôn Tảo Khê 100KVA và 180KVA.

- 05 Trạm thôn Đoan Nữ: 3 trạm 180KVA, 1 trạm 560KVA, 1 trạm 320KVA

Hiện tại, dự án mạng lưới điện 0,4kV đến các hộ dân đang được triển khai toàn bộ. Hệ thống Trạm biến áp vẫn giữ nguyên, chưa được nâng cấp cải tạo.

Tổng công suất các trạm biến áp hiện tại là 2.980KVA.

Hệ thống trục chính hạ thế có 7 tuyến được phân chia ra 3 thôn dài 7km, đường dây hạ thế trong khu dân cư 16km đang được cải tạo nâng cấp toàn bộ.

Hệ thống đèn chiếu sáng đường giao thông đã có khoảng 2,5km chạy dọc trục chính của xã và tuyến đường 419 đi qua xã.

Tỷ lệ hộ dùng điện là 99%.

+ Chất thải, nước thải, vệ sinh môi trường:

- Nghĩa trang, nghĩa địa

Có 1 đài tưởng niệm liệt sỹ - Diện tích: 1976.8 m²

Hiện tại có 3 thôn có 3 nghĩa địa lớn

Bảng 3: Bảng thống kê hiện trạng nghĩa trang toàn xã

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Ghi chú	Đánh Giá
01	Nghĩa địa thôn Kinh Đào	6314	Hung táng và cát táng	Xa Khu dân cư, đảm bảo diện tích
02	Nghĩa địa thôn Tảo Khê	3079	Hung táng và cát táng	Xa Khu dân cư, đảm bảo diện tích
03	Nghĩa địa thôn Đoan Nữ	27256	Hung táng và cát táng	Xa Khu dân cư đảm bảo diện tích
	Tổng cộng	36649		

Ngoài ra trên địa bàn xã có nhiều những khu nghĩa trang nhỏ nằm rải rác.

- Bãi rác, xử lý rác và chất thải

Hiện tại có 3 bãi rác sinh hoạt, với tổng diện tích 5000 m²

Bảng 4: Bảng thống kê hiện trạng bãi rác thải xã

TT	Tên các bãi rác tại các thôn	Diện tích (ha)	Đánh Giá
01	Bãi rác thôn Kinh Đào	0.12	Xa Khu dân cư
02	Bãi rác thôn Tảo Khê	0.13	Xa Khu dân cư
03	Bãi rác thôn Đoan Nữ	0.25	Xa Khu dân cư

- Nhà vệ sinh nông thôn

Nhìn chung số hộ có nhà vệ sinh nông thôn đạt tiêu chuẩn được 80-90%.

2.6. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã.

- Hệ thống giao thông theo định hướng quy hoạch chung:

Dự án đường Miếu Môn- Hương Sơn có mặt cắt 67m chạy qua xã. Ngoài ra, theo đồ án quy hoạch chung huyện Mỹ Đức đã được phê duyệt 2014 có cập nhật đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Mỹ đã được phê duyệt năm 2012 hầu hết mạng lưới giao thông đối ngoại đi qua xã cũng như hệ thống giao thông đường trục xã đều được đề xuất mở rộng, tuy nhiên trên hiện trạng các dự án này đều chưa được thực hiện. Mạng lưới giao thông này tuy tạo thuận lợi trong việc kết nối trong xã nhưng việc mở rộng các trục giao thông này chưa được xem xét kỹ nên có rất nhiều đoạn cắt qua các công trình công cộng, các công trình tôn giáo tín ngưỡng, các điểm dân cư làm phá vỡ các điểm dân cư thôn bản. Điều này dẫn đến phương án không mang tính khả thi, trong phương án quy hoạch điều chỉnh cần rà soát nghiên cứu đề xuất điều chỉnh cho phù hợp.

Theo định hướng quy hoạch chung, trên địa bàn xã có bố trí Cụm đổi mới quy mô 20 ha, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế cho các xã phía Bắc huyện Mỹ Đức

- Các dự án trên địa bàn xã theo định hướng quy hoạch chung:

Theo quy hoạch chung đã được phê duyệt đã áp đặt lên địa bàn trong phạm vi xã một số dự án bao gồm: Dự án khu nghỉ dưỡng Tuy Lai; Dự án khu du lịch sinh thái tổng hợp hồ Quan Sơn. Tuy nhiên, các dự án này đều chưa được triển khai thực hiện.

2.7. Đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới.

Căn cứ Thông báo số 836/TB-UBND ngày 04/12/2017 của UBND huyện Mỹ Đức “*Thông báo kết luận của Đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện tại Hội nghị kiểm tra tiến độ thực hiện các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới, đăng ký đạt chuẩn NTM năm 2018*” qua thời gian chỉ đạo và triển khai thực hiện đến nay xã nhà đã đạt được 14/19 tiêu chí; còn 05 tiêu chí chưa đạt trong đó: 02 tiêu chí cơ bản đạt (gồm: Hộ nghèo, Môi trường và an toàn thực phẩm); 03 tiêu chí chưa đạt (gồm: Trường học, Chợ nông thôn, Thu nhập đầu người);

Phấn đấu từ nay đến năm 2030 xây dựng xã An Mỹ cơ bản đạt được 19 tiêu chí mô hình nông thôn mới.

Bảng 5: Tổng hợp hiện trạng trên cơ sở bộ tiêu chí nông thôn mới

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện	Đánh giá
I	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	4	4	Đạt
	QH sử dụng đất và hạ tầng, thiết yếu cho phát triển SXNN hàng hóa, CN - TTCN - DV	2	2	Đạt
	QH phát triển cơ sở hạ tầng KT - XH - MT	1	1	Đạt
	QH Phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có	1	1	Đạt
II	Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội			
2	Giao thông	10	10	Đạt
	Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn	3	3	Đạt
	Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn	2	2	Đạt
	Tỷ lệ đường ngõ xóm sạch và không lầy lội trong mùa mưa	2	2	Đạt
	Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	3	3	Đạt
3	Thủy lợi	4	4	Đạt
	Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu SX và dân sinh	2	2	Đạt
	Tỷ lệ kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa	2	2	Đạt
4	Điện	3	3	Đạt
	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	2	2	Đạt
	Tỷ lệ hộ dùng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn	1	1	Đạt
5	Trường học			Cơ bản đạt
	Trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	4	3	Cơ bản đạt

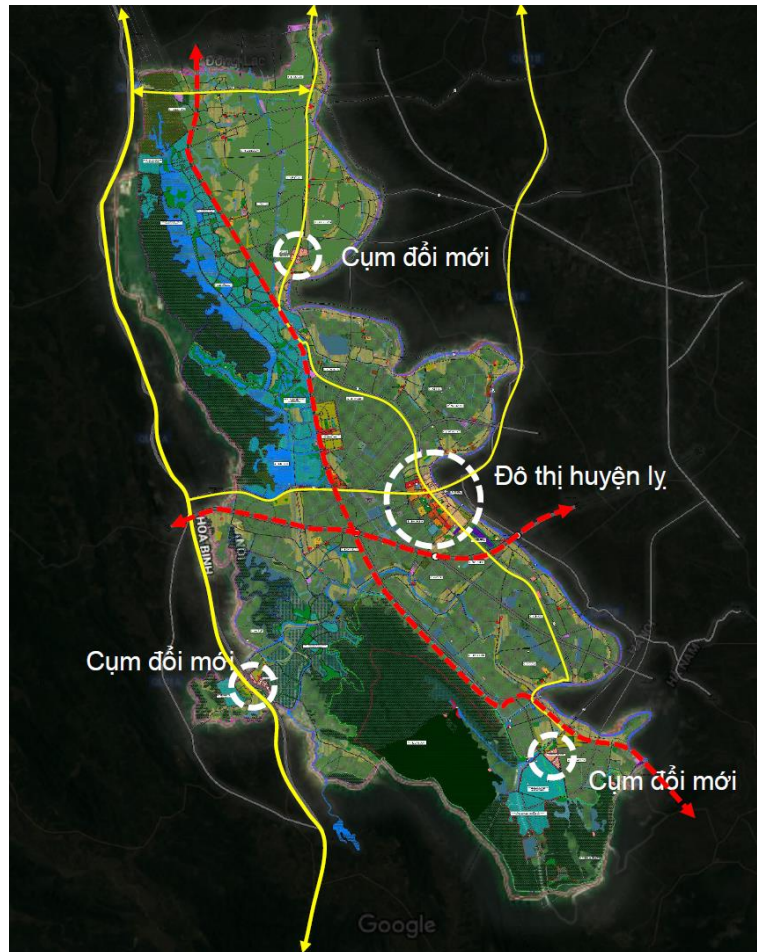
6	Cơ sở vật chất văn hóa	4	3	Cơ bản đạt
	Nhà văn hóa và các khu thể thao xã đạt chuẩn	2	1	Cơ bản đạt
	Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt chuẩn	2	2	Đạt
7	Chợ nông thôn	2	2	Đạt
	Chợ đạt chuẩn của bộ xây dựng	2	2	Đạt
8	Bưu điện	3	3	Đạt
	Có điểm phục vụ Bưu chính viễn thông	1.5	1.5	Đạt
	Có Internet đến các thôn	1.5	1.5	Đạt
9	Nhà ở dân cư	6	6	Đạt
	Nhà tạm, dột nát	3	3	Đạt
	Tỷ lệ hộ có nhà đạt tiêu chuẩn của Bộ XD	3	3	Đạt
III	Kinh tế và tổ chức sản xuất			
10	Thu nhập	5	5	Đạt
	Thu nhập BQ đầu người so với BQ chung TP	5	5	Đạt
11	Tỷ lệ hộ nghèo	5	5	Đạt
12	Cơ cấu lao động	4	4	Đạt
	Tỷ lệ LĐ trong độ tuổi lao động làm việc trong lĩnh vực NN - NT	4	4	Đạt
13	Hình thức tổ chức sản xuất			Đạt
	Tỷ lệ tổ HT hoặc HTX hoạt động có hiệu quả	4	4	Đạt
IV	Văn hóa - Xã hội - Môi trường			
14	Giáo dục	10	10	Đạt
	Phổ cập giáo dục mẫu giáo 5 tuổi, tiểu học THCS theo quy định	3	3	Đạt
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	3	3	Đạt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	4	4	Đạt
15	Y tế	6	6	Đạt
	Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức BHYT	2	2	Đạt
	Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	4	4	Đạt
16	Văn hóa	4	4	Đạt
	Tỷ lệ số làng đạt tiêu chuẩn làng văn hóa	4	4	Đạt
17	Môi trường	10	8.9	Cơ bản đạt
	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	1.25	1.25	Đạt
	Tỷ lệ cơ sở SX - KD đạt tiêu chuẩn về MT	1.25	1.25	Đạt
	Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn	1.25	1.25	Đạt
	Mại táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	1.25	1.25	Đạt
	Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung được thu gom xử lý theo quy định	1.25	1	Cơ bản đạt
	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	1.25	1.25	Đạt
	Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	0.4	1.25	Cơ bản đạt
	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	1.25	1.25	Đạt
V	Hệ thống chính trị			

18	Hệ thống tổ chức chính trị vững mạnh	9	8.75	Cơ bản đạt
	Tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn	4	4	Đạt
	Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị	0.5	0.5	Đạt
	Đảng bộ chính quyền xã đạt tiêu chuẩn " trong sạch vững mạnh "	1	1	Đạt
	Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã hội đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	0.5	0.5	Đạt
	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	1.5	1.5	Đạt
	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội, đảm bảo các điều kiện sau:	1.5	1.25	Cơ bản đạt
19	An ninh trật tự xã hội được giữ vững	3	3	Đạt
	Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	1.5	1.5	Đạt
	Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	1.5	1.5	Đạt

III. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MỚI

3.1. Tiềm năng và định hướng phát triển KT-XH của Xã

Theo định hướng quy hoạch chung huyện Mỹ Đức đến năm 2030 được phê duyệt tại quyết định số 4465/QĐ-UBND ngày 27/8/2014, xã An Mỹ có nhiều ý nghĩa và vai trò Vùng hơn so với đồ án Quy hoạch đã được phê duyệt trước đây. Đặc điểm này cũng chính là yêu cầu quan trọng của việc tiến hành lập quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xã nông thôn mới An Mỹ. Với định hướng này, hoạt động kinh tế - xã hội của xã có xu hướng dịch chuyển sang các hoạt động thương mại – dịch vụ.



Hình 10: Định hướng không gian huyện Mỹ Đức

Đối với hoạt động dịch vụ du lịch, trên địa bàn xã có 2 dự án về phát triển du lịch lớn là khu Du lịch tổng hợp Hồ Quan Sơn và Khu nghỉ dưỡng Hồ Tuy Lai. Hoạt động dịch vụ đòi hỏi sự chuyển dịch khá lớn quy mô đất nông nghiệp hiện nay của xã, tác động mạnh mẽ tới hoạt động sinh sống của người dân, thúc đẩy nhanh hơn quá trình đô thị hóa tại khu vực.

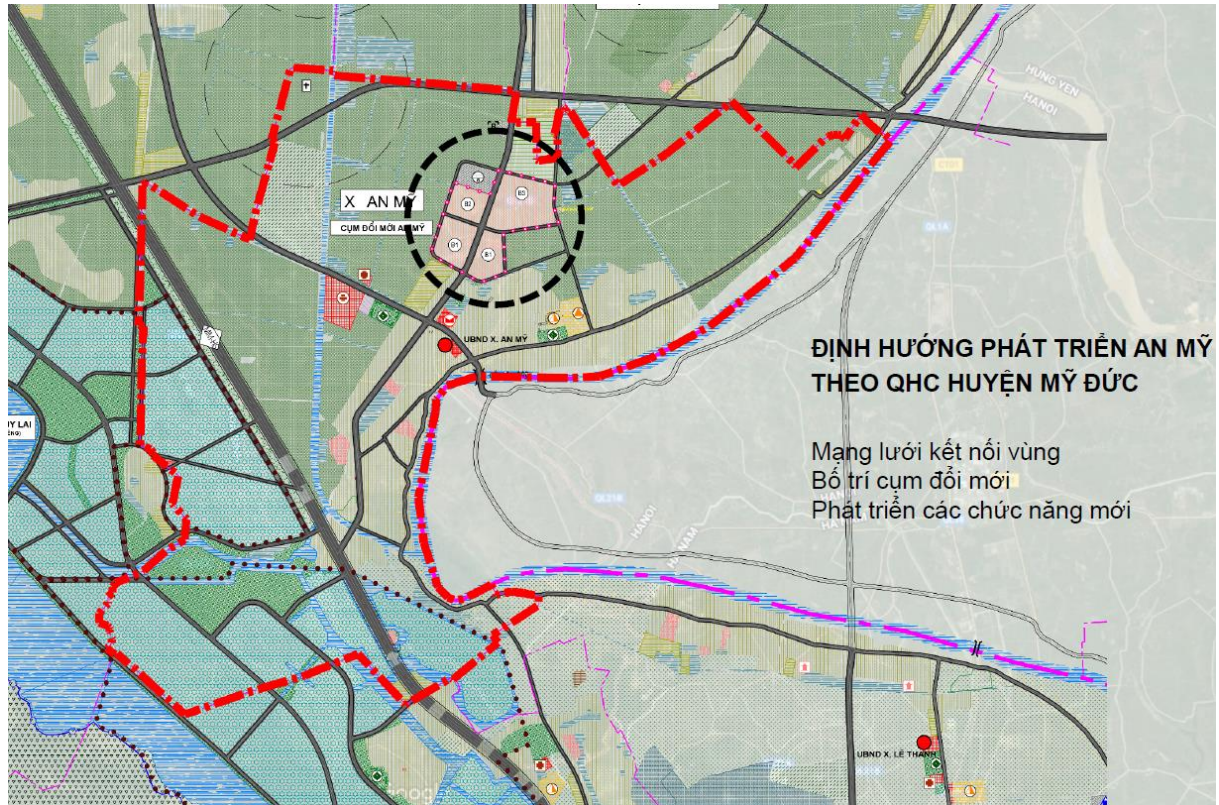
Đối với hoạt động thương mại dịch vụ, trên địa bàn xã được xác định là trọng điểm Vùng phía Bắc huyện Mỹ Đức, là nơi thuận lợi về giao thông giữa các tuyến đường 419, đường 429B, đường Miếu Môn – Hương Sơn. Trong định hướng KT-XH huyện Mỹ Đức, tại xã An Mỹ sẽ hình thành “Cụm đổi mới” là trọng điểm thúc đẩy hoạt động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và thương mại cho các xã phía Bắc. Đây là tiền đề tạo thị quan trọng cho xã trong giai đoạn sắp tới

Từ những nhận định trên, cho thấy, trên địa bàn xã đang có nhiều biến chuyển mạnh mẽ về KT- XH dưới tác động của Đô thị hóa nói chung và từ các định hướng

của huyện Mỹ Đức nói riêng. Những biến động này chưa được đề cập trong các nội dung quy hoạch trước đây do vậy, việc điều chỉnh là cần thiết.

3.2. Mối quan hệ không gian của xã với bối cảnh phát triển

Từ những dịch chuyển mang tính định hướng về KT- XH, vai trò và vị thế của xã An Mỹ được nâng cao lên so với các xã lân cận, dường như đóng vai trò trung tâm của phát triển cụm các xã phía Bắc của huyện Mỹ Đức.



Hình 11: Định hướng không gian xã An Mỹ theo QHC huyện Mỹ Đức

Về mối quan hệ không gian, đối với quan hệ toàn vùng huyện Mỹ Đức. Xã An Mỹ là một trong 3 trọng điểm tạo động lực thúc đẩy công nghiệp hóa hiện đại hóa quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Tại xã có xác định cụm đối mới giữ vai trò về thúc đẩy tiểu thủ công nghiệp cho các xã phía Bắc của huyện Mỹ Đức. Cùng với 2 điểm CỤM đối mới tại xã An Phú và Hương Sơn, tạo thành tam giác thúc đẩy tăng trưởng chung của huyện

Đối với quan hệ không gian của các khu vực lân cận, xã An Mỹ đóng vai trò là trung tâm, là cửa ngõ thông thương hàng hóa cho các xã phía Bắc huyện Mỹ Đức. Sự tiện lợi, đầu mối giao thông đã mang tới vị thế trung tâm của xã. Bên cạnh đẩy chức năng Thúc đẩy phát triển tiểu thủ công nghiệp tại cụm đối mới đặt tại xã tạo nên sức hút lớn và sự dịch chuyển không gian lãnh thổ về các hoạt động sản xuất kinh tế phi nông nghiệp khác.

Những biến đổi mang tính bước ngoặt của xã An Mỹ với bối cảnh phát triển của Huyện Mỹ Đức như hiện nay là những biểu hiện mới, những điều chỉnh mới cần có sự

nghiên cứu đồng bộ các giải pháp về đất đai, hoạt động kinh tế và tổ chức không gian toàn xã. Đây là nội dung điều chỉnh cơ bản của đồ án Quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt năm 2012 trước đây.

3.3. Tính chất, chức năng

Theo định hướng quy hoạch chung huyện Mỹ Đức đến năm 2030 được phê duyệt tại quyết định số 4465/QĐ-UBND ngày 27/8/2014, xã An Mỹ được xác định là khu vực trung tâm khu vực kinh tế phía Bắc huyện Mỹ Đức, cụ thể là:

- Là trung tâm khu vực phát triển kinh tế phía Bắc, ưu tiên phát triển kinh tế nông nghiệp, du lịch quy mô khoảng 5.600ha bao gồm các xã Đồng Tâm, Phúc Lâm, Thượng Lâm, Tuy Lai, Mỹ Thành, Bột Xuyên, An Mỹ với cụm đổi mới An Mỹ là trung tâm.

- Là khu vực hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, chăn nuôi, tập huấn, chuyển giao công nghệ.... Hình thành cụm đổi mới An Mỹ: Là trung tâm khu vực phía Bắc, quy mô khoảng 20ha. Chức năng chính là hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề, vùng chăn nuôi, vùng rau sạch, vùng lúa chất lượng cao...

- Là khu vực khuyến khích phát triển dịch vụ gắn với du lịch, dịch vụ, thương mại phục vụ khu vực phía Bắc huyện Mỹ Đức. Hình thành các trung tâm công cộng dịch vụ hỗ trợ sản xuất và các không gian công cộng dịch vụ hỗ trợ du lịch, các không gian văn hóa, cây xanh cảnh quan, quảng trường phục vụ du lịch, lễ hội.

- Là khu vực có vai trò là điểm kết nối tuyến du lịch sông Đáy, không gian cảnh quan làng xóm và văn hóa tín ngưỡng chùa Tứ Xã (Thủy Vân Tự) - chùa Bột Xuyên (Linh Quang Tự) xã Bột Xuyên với các khu du lịch nghỉ dưỡng Tuy Lai - Quan Sơn

3.4. Quy mô dân số

Theo QHC xã An Mỹ đã phê duyệt dự báo quy mô dân số đến 2020 là 7.805 người. Quy mô dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 8.846 người.

- Lao động trong độ tuổi: 5.396 người chiếm 63% dân số. Trong đó lao động nông nghiệp 3.211 người chiếm 72,4%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 754 người chiếm 17%, thương mại và dịch vụ 470 người chiếm 10,6%.

Bảng 6: Bảng dự báo Quy mô lao động

TT	Hạng mục	Dự báo	
		2020	2030
I	Dân số trong tuổi LĐ (1000 người)	4584	5396
	- Tỷ lệ % so với tổng dân số	62	63
II	Phân theo ngành		
	Phân theo ngành:		
1	LD nông, lâm nghiệp (1000 người)	2063	1936
	- Tỷ lệ % so LD làm việc	45	40

2	LĐ CN, TTCN, XD (1000 người)	1283	1403
	- Tỷ lệ % so LĐ làm việc	28	29
3	LĐ dịch vụ, thương mại, HCSN (1000 ng)	1238	1500
	- Tỷ lệ % so LĐ làm việc	27	31

3.5. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chính

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật lấy theo các chỉ tiêu quy hoạch chung xã nông thôn mới theo yêu cầu của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (Thông tư số 31/2009/TT-BXD, Thông tư số 32/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành.)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch
1	Đất ở	m ² /người	- 25 m ² /người, cộng thêm đất giao thông và cơ sở hạ tầng. Đạt 100-120 m ² /hộ.
2	Công sở cấp xã	m ²	- Diện tích đất xây dựng: ≥ 1.000m ² - Diện tích sử dụng: ≤ 500 m ²
3	Nhà trẻ, trường mầm non	m ² /trẻ	- Diện tích đất xây dựng: ≥ 12m ² /trẻ - Bán kính phục vụ: ≤ 1km - Quy mô trường: ≥ 3- 15 nhóm, lớp
4	Trường tiểu học	m ² /hs	- Diện tích đất xây dựng: ≥ 10m ² /hs; - Bán kính phục vụ: ≤ 1km - Quy mô trường: ≤ 30 lớp - Quy mô lớp: ≤ 35 học sinh
5	Trường THCS	m ² /hs	- Diện tích đất xây dựng: ≥ 10m ² /hs - Bán kính phục vụ: ≤ 4km - Quy mô trường: ≥ 45 lớp - Quy mô lớp: ≤ 45 học sinh
6	Trạm y tế xã	m ²	- Diện tích đất: ≥ 500m ² + Có vườn thuốc: ≥ 1000m ²
7	Trung tâm văn hoá- thể thao (bao gồm nhà văn hóa, sân vận động, nhà tập luyện thể thao, câu lạc bộ văn hóa, câu lạc bộ thể thao, hoặc đài truyền thanh)	m ²	- Diện tích đất xây dựng: + Nhà văn hoá xã: ≥ 1.000 m ² + Nhà văn hoá thôn, bản: ≥ 500 m ² + DT sân thể thao: ≥ 100m ² /sân tập từng môn + Nhà thể thao đơn giản: ≥ 100m ² /nhà tập + Bể bơi đơn giản: ≥ 400m ² /bể - Chỉ tiêu đất thể thao: 2-3m ² /người + Diện tích đất XD: ≥ 4.000m ²
8	Cây xanh công cộng	m ² /người	- Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng: ≥ 2m ² /người
9	Chợ	m ²	- Quy mô DT: ≥ 3000m ² /chợ/xã - Diện tích đất XD; ≥ 16m ² /điểm kinh doanh - Diện tích sử dụng: ≥ 3m ² /điểm kinh doanh
10	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	m ² /điểm	- Diện tích đất xây dựng: ≥ 150 m ² /điểm

11	Nghĩa trang	m ² /mộ	- Hung táng và chôn cất một lần: ≤ 5 m ² /mộ - Cát táng: ≤ 3 m ² /mộ
12	Khu xử lý chất thải rắn (bao gồm khu tập kết, khu xử lý và khu phụ trợ)	m ²	- Khoảng cách ly vệ sinh: + đến ranh giới khu dân cư: ≥ 3000m + đến công trình xây dựng khác: ≥ 1000m
13	Đường giao thông nông thôn (bao gồm đường từ huyện đến xóm, đường liên xã, đường từ xã đến thôn, xóm, liên thôn, đường ngõ, xóm, đường trục chính nội đồng)		- Đường từ huyện đến xóm, đường liên xã, đường từ xã đến thôn, xóm: + Chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới: ≥ 3,5m/làn xe + Chiều rộng lề và lề gia cố: ≥ 1,5m + Chiều rộng mặt cắt ngang đường: ≥ 6.5 m - Đường thôn xóm, đường trục chính nội đồng: + Chiều rộng mặt đường: ≥ 3,0m
14	Cấp điện	KWh/ng	- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: + Điện năng ≥ 200 KWh/người/năm + Phụ tải: ≥ 150w/người - Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng: ≥ 30% nhu cầu điện sinh hoạt của hoặc cụm xã
15	Cấp nước	lít/người/ngày	+ Có trang thiết bị vệ sinh và mạng lưới đường ống: ≥ 100 lít/người/ngày + Có đường ống và vòi nước dẫn đến hộ gia đình: ≥ 60 lít/người/ngày + Sử dụng vòi nước công cộng: ≥ 40lít/người/ngày.
16	Thoát nước	lít/người/ngày	- Phải có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa - Thu gom được ≥ 80% lượng nước cấp

3.6. Dự báo loại hình, tính chất kinh tế chủ đạo.

a. Phương hướng:

- Phát triển nông nghiệp toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá đa dạng sản phẩm, khai thác tốt tiềm năng đất đai, lao động, kỹ thuật và thị trường.

- Tăng cường năng lực phục vụ của hệ thống dịch vụ nông nghiệp, đặc biệt là HTX.

- Phát triển CN-TTCN sớm trở thành ngành sản xuất chủ yếu trong nền kinh tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động trong nông

thôn.

- Tận dụng tối đa các nguồn lực để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống xã hội cho nhân dân trong xã.

- Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, CN, TTCN, Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng

- Bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế xã hội môi trường theo chuẩn mới.

b. Mục tiêu:

+ Mục tiêu kinh tế:

Bảng 7: Dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế

TT	Hạng mục	Đơn vị	2020	2030
1	SX nông nghiệp	%	40	35
2	CN- TTCN	%	28	30
3	Thương mại- Dvụ	%	32	35

+ Mục tiêu xã hội:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo, đến năm 2030 còn 3%.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đến năm 2030 100% trẻ em trong độ tuổi Mầm non được đến trường, giữ vững phổ cập THCS và Tiểu học, phấn đấu đạt phổ cập trung học.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho y tế cơ sở. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em.

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó có 90% được sử dụng nước sạch.

c. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế.

+ Sản xuất nông nghiệp:

- Chuyển sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa đa dạng chú trọng đầu ra cho sản phẩm và chế biến tiêu thụ sản phẩm tại chỗ.

- Ổn định diện tích canh tác hàng năm, trên cơ sở đó quy hoạch gọn vùng gọn cánh hình thành các vùng sản xuất tập trung đi đôi với đầu tư cho giao thông thủy lợi nội đồng, làm tốt công tác bảo vệ thực vật, vệ sinh thú y và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

+ Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Phát huy lợi thế về giao thông, nhân lực, thị trường để tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp từ đó thay đổi cơ cấu kinh tế.

+ Thương mại dịch vụ:

- Đầu tư cải tạo lại chợ xã và phát triển khu kinh doanh dịch vụ, thúc đẩy ngành này phát triển theo hướng đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu địa phương và xúc tiến thương mại đối ngoại tìm đầu ra cho hàng hóa địa phương.

- Tăng thêm các dịch vụ tài chính tín dụng, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin để vừa có nguồn vốn cho địa phương phát triển kinh tế vừa có thể áp dụng công nghệ thông tin vào trong các khâu của quá trình sản xuất.

IV. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

4.1. Quan điểm

Cấu trúc phát triển không gian tổng thể xã cần đảm bảo các nội dung về:

- Hình thái: lý giải được cấu trúc không gian tổng thể, xác định ranh giới phát triển, trung tâm, các tuyến chính, mật độ xây dựng...;

- Kinh tế: dự báo quy mô dân số, mật độ dân số đảm bảo phát triển hiệu quả; dự báo cơ cấu ngành nghề; xác định mối quan hệ tương tác và nguyên tắc liên kết giữa các vùng chức năng trên mặt bằng;

- Thiết kế cảnh quan: các chiến lược kiểm soát và hướng dẫn phát triển liên quan đến các nội dung về thiết kế cảnh quan như: tuyến, diện, điểm nhấn chính, hệ thống không gian mở trong đô thị, phong cách kiến trúc, cảnh quan...;

- Sinh thái: các chiến lược phát triển phù hợp với hệ sinh thái đô thị (địa hình, nắng, gió, năng lượng tự nhiên, động thực vật...);

- Xã hội học: các chiến lược phát triển hướng tới công bằng xã hội tối đa trong việc quy hoạch sử dụng không gian, đảm bảo điều kiện sống cho các đối tượng khác nhau trong xã hội (bao gồm cả các thành phần dân số không chính thức...); các giải pháp về vấn đề tương phản giàu nghèo; các giải pháp đối với các vấn đề xã hội khác;

- Văn hóa: chiến lược phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa trong tương lai, tạo dựng các không gian cần thiết cho các hoạt động văn hóa tín ngưỡng truyền thống;

- Cấu trúc phát triển không gian tổng thể là kết quả lồng ghép các cấu trúc thành phần và khung hạ tầng kỹ thuật. Khung hạ tầng kỹ thuật bao gồm cấu trúc giao thông nhiều tầng bậc và khung hạ tầng kỹ thuật chính...;

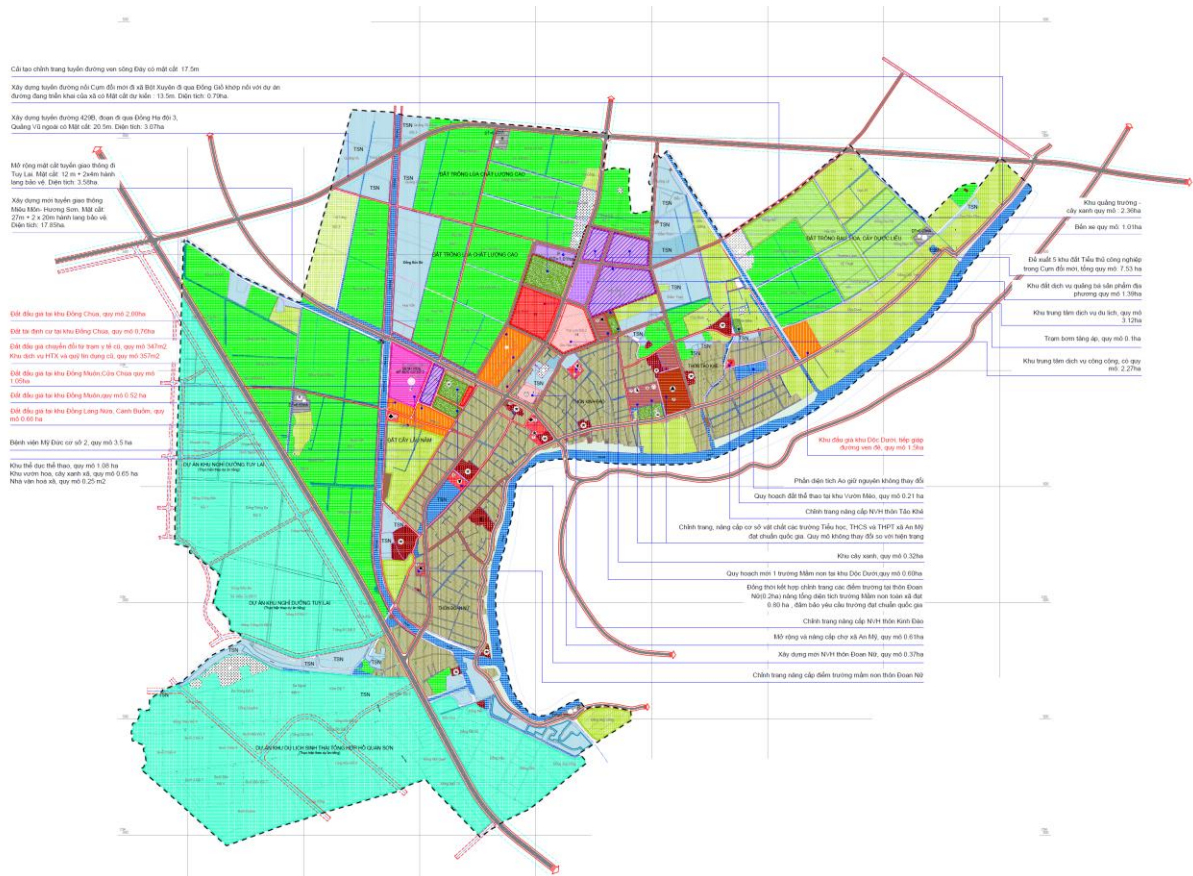
- Về quy hoạch sử dụng đất, các đề xuất phải phù hợp với cấu trúc phát triển không gian cho từng khu vực cụ thể và phải quy định được:

+ Các khu vực quy định dành cho các khu chức năng độc lập;

+ Các khu vực sử dụng hỗn hợp có thể xây dựng nhiều chức năng khác nhau, trong đó phải quy định các loại chức năng được phép xây dựng trong mỗi khu vực. Tùy theo vị trí, tính chất của từng khu vực quy hoạch, ranh giới giữa các khu vực quy hoạch sử dụng đất khác nhau có thể không quy định chính xác, nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc liên kết trong cấu trúc không gian chung. Tùy theo chiến lược phát triển và các tiềm năng phát triển, có thể cần xác định ngưỡng đối với quy mô một số chức năng.

4.2. Điều chỉnh cấu trúc tổ chức không gian xã

Cấu trúc không gian xã được làm rõ theo 2 khía cạnh: gắn kết bên ngoài và gắn kết nội tại



Hình 12: Định hướng cấu trúc không gian xã An Mỹ

a. Gắn kết bên ngoài:

Việc gắn kết với bên ngoài đóng vai trò ảnh hưởng quan trọng tới sự phát triển trong những giai đoạn tiếp theo của xã. Dựa trên những tác động về kinh tế xã hội những năm gần đây, đặc biệt là từ định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan theo quy hoạch chung huyện Mỹ Đức, các vấn đề kết nối ra bên ngoài của xã được làm rõ theo 2 khía cạnh:

+ Gắn kết về mặt giao thông: Bên cạnh lợi thế địa điểm hiện có, xã An Mỹ có khả năng tăng cường giao thương thông qua mạng giao thông liên vùng, đáng chú ý là tuyến Miếu Môn- Hương Sơn và tuyến giao thông TL 429B. Với thiết lập mạng giao thông này, tạo lập hệ thống giao thông khép kín cho xã An Mỹ, tạo ra nhiều hướng phát triển kết nối vùng và khu vực.

+ Gắn kết về mặt chức năng: Do đặc điểm địa lý, lợi thế về kết nối giao thông, bên cạnh các hoạt động phát triển riêng, tại xã An Mỹ còn được bố trí “cụm đổi mới” với chức năng được xác định bao gồm: bến xe liên vùng, chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương, các khu tiểu thủ công nghiệp. Đây là khu vực đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển cụm các xã phía Bắc của huyện Mỹ Đức.

b. Gắn kết nội tại:

Trong gắn kết nội tại, cấu trúc xã được làm rõ gồm

- Hệ thống trung tâm

Với đặc điểm phát triển, hệ thống trung tâm của xã sẽ có xu hướng gắn kết với cụm đổi mới thông qua các phát triển cảnh quan tuyến đường. Theo đó, các công trình hành chính, văn hóa giáo dục vẫn được duy trì và nâng cấp tại khu vực hiện có, các công trình thương mại dịch vụ, và tiêu thụ công nghiệp sẽ dịch chuyển và bố trí gần với khu cụm đổi mới.

- Hệ thống dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng

Khu vực phát triển du lịch nghỉ dưỡng gồm toàn bộ khu đất nằm phía Tây tuyến đường Miếu Môn- Hương Sơn, được xác lập theo 2 dự án là: Dự án khu nghỉ dưỡng Tuy Lai; Dự án khu du lịch sinh thái tổng hợp Hồ Quan Sơn.

- Hệ thống phân bố dân cư

+ Tổ chức mạng lưới điểm dân cư:

- Khu ở trung tâm: Phát triển mở rộng cải tạo kiến trúc cảnh quan, môi trường; Khuyến khích phát triển hình thức ở kết hợp thương mại dịch vụ thương mại; Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật với các khu chức năng khác trong khu trung tâm.

- Các điểm dân cư trong xã: Phát triển các điểm dân cư tập trung tại các thôn xóm trong xã, hình thành trên cơ sở các cụm dân cư có sẵn tại các thôn xóm và các nhóm ở tự phát, định hướng di dời về khu vực ở tập trung. Tiến hành cải tạo chỉnh trang khu ở, tường rào, đường ngõ xóm...

- Các khu giãn dân: Đất giãn dân trong toàn xã được chuyển đổi từ diện tích các loại đất khác nhau, bao gồm từ đất nông nghiệp kém hiệu quả, đất có lợi thế giao thông, đất có giá trị kinh tế cao...

+ Tổ chức không gian thôn xóm và nhà ở:

- Các cụm dân cư cũ cơ bản giữ nguyên trạng, tiến hành cải tạo chỉnh trang cả về kiến trúc công trình cũng như hạ tầng kỹ thuật như đường điện, đường ống cấp nước. Tạo nên được hình ảnh nông thôn xanh sạch đẹp.

- Các khu dân cư mới được bố trí thành các dải và lớp. Lớp nhà phía giáp mặt đường chính được thiết kế theo dạng nhà ở kết hợp làm kinh doanh dịch vụ nhỏ. Lớp nhà phía sau với diện tích quy mô (200m²), được xây dựng theo mô hình nhà ở kết hợp sản xuất hộ gia đình.

- Công trình công cộng trong điểm dân cư tập trung gồm có: nhà văn hóa cụm dân cư kết hợp với sân thể dục thể thao.

- Cải thiện hệ thống giao thông và hệ thống rãnh thoát nước đi kèm cho các khu dân cư cũ và mới.

- Điều chỉnh các khu vực sản xuất

Căn cứ theo thực tiễn hoạt động sản xuất và nhu cầu của xã, đồ án có cập nhật một số kiến nghị chuyên đổi hoạt động sản xuất:

+ Khu vực sản xuất nông nghiệp trồng lúa tại thôn Đoan Nữ sẽ dần chuyển đổi sang đất phát triển du lịch (Dự kiến Chuyển đổi 62.31 ha đất dành mục đích nông nghiệp cho thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng Tuy Lai, tại phía Tây tuyến giao thông Miếu Môn- Hương Sơn; và Dự kiến chuyển đổi 76.09 ha đất dành mục đích nông nghiệp cho thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái tổng hợp Hồ Quan Sơn, tại phía Tây tuyến giao thông Miếu Môn- Hương Sơn

+ Chuyển đổi từ đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng các cây hàng năm khác (rau, hoa, dược liệu...) tại khu Hòn Đá, Đồng Giò, Thượng Làng Trên, Đạc 5,6,7,8, thôn Tảo Khê, có quy mô khoảng 19ha.

+ Chuyển đổi có kế hoạch đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm tại các khu vực Đồng Muôn, Cánh Buồm, khu Đồi, Áng Cống, Hoi Đồi thuộc thôn Đoan Nữ, Đạc 1,2,3,4, Vườn Mèo, Cửa Đình thôn Tảo Khê do những khu vực này nằm liền cận với khu dân cư và bị chia cắt phân tán không mang lại hiệu quả sản xuất cao

+ Chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản tại khu vực Hoi đồi thôn Đoan Nữ do cây lúa kém hiệu quả (0,95 ha).

+ Mở rộng khu tiểu thủ công nghiệp may thêu với quy mô 1ha

4.3. Điều chỉnh định hướng xây dựng hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

*** Định hướng hệ thống công trình công cộng, dịch vụ:**

- Mở rộng các nghề truyền thống, phát triển thêm các nghề mới, khuyến khích các thành phần kinh tế, mở rộng dịch vụ thương mại từ sản xuất đến tiêu dùng phục vụ đời sống và sản xuất. Từ nay đến năm 2030, cần từng bước cải tạo, đầu tư, nâng cấp chợ đang hoạt động, xây dựng chợ với mô hình và quy mô phù hợp để nâng cao chất lượng hoạt động và kinh doanh với đa loại hình.

- Đất di tích, danh thắng: Hiện tại và trong tương lai, cần phát triển, giữ vững, bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử: đền, đình làng, các công trình lịch sử... để đảm bảo nền văn hóa truyền thống, giữ gìn đậm đà bản sắc dân tộc. Trong định hướng quy hoạch có thể đề xuất khai thác các công trình di tích, danh thắng để khai thác du lịch đáp ứng yêu cầu hiện tại.

- Đất tôn giáo, tín ngưỡng: Tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, là sự tôn trọng thực tế khách quan và trách nhiệm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thỏa mãn nhu cầu một bộ phận nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật. Do vậy, cần giữ nguyên diện tích đất tôn giáo, tín ngưỡng trong tương lai.

- Đất quốc phòng: Phát triển kinh tế phải gắn với bảo đảm mục tiêu phòng thủ

quốc gia, giữ gìn an ninh trật tự an ninh-quốc phòng ổn định thì nền kinh tế mới đảm bảo phát triển bền vững. Trong tương lai, việc bố trí đất cho các ngành kinh tế-xã hội cần ưu tiên dành quỹ đất cho mục tiêu an ninh-quốc phòng.

- Tổ chức hệ thống các công trình công cộng cấp xã tập trung với đầy đủ các chức năng hành chính-chính trị, y tế, văn hóa-thể thao, giáo dục, thương mại dịch vụ đảm bảo bán kính phục vụ đến tất cả các điểm dân cư thôn bản (đặc biệt với các điểm trường cần đảm bảo bán kính phục vụ theo tiêu chuẩn). Các công trình công cộng xã được định hướng nghiên cứu là những công trình thấp tầng đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế công trình công cộng nhưng ngôn ngữ kiến trúc cần được lựa chọn phù hợp với cảnh quan tổng thể là một điểm dân cư nông thôn.

**** Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn:***

a. Cụm đổi mới của Huyện:

Vị trí: Nằm tại phía Bắc của xã, tại khu vực Soi Dâu đội 3, Cửa Cầu đội 3 nằm tại phía Tây đường tỉnh 419 và các khu Dộc đội 3, Mảnh Bạch đội 3, Sóc Mẫu đội, Trại Lợn đội 2, Sóc Hào đội 2 nằm về phía đông đường tỉnh 419.

Quy mô: 19,8 ha

Chức năng bao gồm:

- Đất tiểu thủ công nghiệp có diện tích: 7.97 ha.
- Đất bố trí cho các công trình dịch vụ du lịch, có diện tích 3.12 ha.
- Đất bố trí các công trình dịch vụ quảng bá sản phẩm địa phương (nông sản, sản phẩm nghề phụ v.v...) có diện tích: 1.39 ha.
- Đất bố trí cho các công trình dịch vụ công cộng, có quy mô 2.72 ha.
- Đất quảng trường - cây xanh có diện tích: 2.36 ha.

b. Công trình công cộng cấp Huyện

Theo định hướng quy hoạch chung huyện Mỹ Đức trên địa bàn xã An Mỹ có bố trí 1 bệnh viện Mỹ Đức cơ sở 2, quy mô 3,5 ha nằm tại khu vực Đồng Muôn đội 4, ven theo tuyến đường đi Tuy Lai

c. Các hạ tầng cơ sở cấp Xã

Trụ sở HĐND&UBND xã:

Trên cơ sở trung tâm hành chính hiện trạng và mở rộng quy mô đất quy hoạch phân thành các điểm công trình rõ rệt, các phân khu chức năng rõ ràng thuận tiện trong sử dụng và đẹp cảnh quan.

- Vị trí: Giữ nguyên vị trí cũ và mở rộng vào khu chuyển đổi đất trường mầm non diện tích 2421 m².

- Tổng diện tích: 4780 m²

- Xây dựng mới các phòng ban làm việc: Phòng họp Đảng uỷ, các phòng đoàn

thể, phòng một cửa, phòng ban công an xã .

- Mua sắm đầy đủ trang thiết bị.

Công trình y tế:

Hiện tại xã đã xây mới 1 trạm y tế tại khu vực Buồm Mạ, quy mô 0,14 ha.

Phòng khám đa khoa khu vực An Mỹ, nằm cạnh UBND xã An Mỹ có diện tích 0,1ha

Các cơ sở y tế này đều được đầu tư mới đảm bảo yêu cầu phục vụ cho người dân trong và ngoài địa bàn xã

Nhà văn hóa xã:

- Vị trí: Xây dựng mới bên cạnh khu thể thao xã diện tích 2.500m², tại khu Cửa Chùa.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị cần thiết.

Bưu điện xã:

- Vị trí: Giữ nguyên vị trí hiện trạng. Vị trí tại thôn Đoàn Nữ diện tích 152,8m².

Vị trí tại thôn Kinh Đào diện tích 655m².

- Mật độ xây dựng: 70-80%.

- Cải tạo bưu điện xã và nâng cấp đường truyền internet đến các thôn.

Khu thể thao xã:

- Vị trí: Quy hoạch tại Cửa Chùa.

- Tổng diện tích: 10.800m².

- Xây mới gồm các chức năng: phòng tập, bể bơi, khu nhà thi đấu đa năng...

Khu vườn hoa, cây xanh trung tâm xã:

- Vị trí: Nằm gần nhà văn hoá xã và khu thể thao xã khu Cửa Chùa.

- Tổng diện tích : 0.65ha.

- Xây mới toàn bộ hệ thống khu vườn hoa, cây xanh, đường dạo, sân chơi cho trẻ em...

Chợ xã:

- Vị trí: giữ nguyên vị trí hiện trạng và mở rộng diện tích 1400 m² vào đất ao về phía nghĩa trang liệt sỹ.

- Tổng diện tích: 6100m².

- Hoàn thiện hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống nước, khu vệ sinh, khu để xe, nơi tập trung rác thải ...

Hệ thống các trường học:

+ Trường Mầm non:

- Hiện trạng là 350 học sinh. Dự báo đến năm 2020 số học sinh là 390 học sinh.

Dự báo đến năm 2030 số học sinh là 400 học sinh.

- Vị trí và diện tích:

Xây mới điểm trường mầm non gần cụm đổi mới tại khu Dộc Dưới, diện tích 6000m². Trường mầm non mới phục vụ cho thôn Tảo Khê và thôn Kinh Đào.

Cải tạo điểm trường mầm non thôn Đoan Nữ với diện tích sau khi mở rộng là 1980m² : Xây dựng mới: 12 phòng học diện tích 72m²/phòng; bếp ăn 1 chiều diện tích 60m²; phòng phục vụ học tập gồm phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, phòng tin học mỗi phòng 60m²; khối phòng hành chính quản trị gồm phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng kế toán - văn thư, phòng y tế mỗi phòng 25m², phòng thường trực 15m², văn phòng trường 54m², hội trường 70m², phòng cho nhân viên 20m². Hoàn thiện các công trình phụ trợ gồm xây dựng nhà vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên, trang bị hệ thống nước sạch và hệ thống cấp thoát nước, biển, cổng trường, tường bao. Mua sắm trang thiết bị đầy đủ.

+ Trường Tiểu học.

- Hiện trạng là 435 học sinh . Dự báo đến năm 2020 số học sinh là 484 học sinh. Dự báo đến năm 2030 số học sinh là 520 học sinh.

- Vị trí: Bố trí tại điểm trung tâm thôn Kinh đào diện tích 7000m². Trung bình 13,46m²/1hs. Điểm lẻ tại thôn Đoan Nữ 634m² chuyển và bổ sung vào điểm mầm non thôn Đoan Nữ.

- Xây dựng mới: 6 phòng học diện tích 54m²/phòng; khối phòng học bộ môn gồm phòng Tin học, Ngoại ngữ, phòng giáo dục nghệ thuật mỗi phòng 60m²; phòng phục vụ học tập gồm phòng truyền thống 54m² và hoạt động đội 25m², phòng thiết bị giáo dục 60m², thư viện 125m²; nhà tập đa năng 540m².

- Xây dựng phòng hành chính quản trị gồm 3 phòng ban giám hiệu, phòng y tế học đường, phòng kế toán, 2 phòng sinh hoạt chuyên môn mỗi phòng 25m², nhà kho 50m², văn phòng trường 54m², phòng thường trực 15m², hội trường 90m².

- Hoàn thiện các công trình phụ trợ: Xây mới cổng trường, nhà để xe cho học sinh và giáo viên, hoàn thiện 300m tường bao, đổ bê tông sân chơi, trang bị hệ thống nước sạch và hệ thống cấp thoát nước.

+ Trường THCS:

- Hiện trạng là 360 học sinh. Dự báo đến năm 2030 số học sinh là 401 học sinh. Dự báo đến năm 2030 số học sinh là 440 học sinh.

- Vị trí: Giữ nguyên vị trí hiện trạng đặt tại thôn Kinh Đào với tổng diện tích 5035m².

- Xây dựng mới khối phòng hành chính quản trị gồm văn phòng 54m², 2 phòng hiệu phó, phòng hiệu trưởng, phòng y tế, phòng kế toán, phòng đoàn thể mỗi phòng 25m², nhà kho 50m², phòng tổ chuyên môn 25m², hội trường 90m², phòng thường trực 15m².

- Xây dựng khối phòng phục vụ học tập gồm thư viện (giáo viên và học sinh)

125m², phòng hoạt động đoàn - đội 25m², phòng truyền thống 54m².

- Xây dựng mới nhà đa năng 540m².

- Xây dựng mới các phòng học bộ môn gồm có phòng thí nghiệm thực hành các môn vật lý, sinh học, hóa học mỗi phòng diện tích 96m² (gồm phòng học bộ môn 84m² và phòng chuẩn bị có diện tích tối thiểu 12m²), phòng công nghệ có diện tích 113m² (gồm phòng học bộ môn 101m² và phòng chuẩn bị 12m²), phòng tin học, phòng ngoại ngữ, phòng âm nhạc, phòng họa mỗi phòng 60m².

- Hoàn thành các công trình phụ trợ gồm nhà để xe, nhà vệ sinh giáo viên và học sinh, bê tông hóa sân chơi diện tích khoảng 500m², trang bị hệ thống nước sạch và hệ thống rãnh thoát nước.

b. Công trình công cộng cấp thôn:

- Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng tại các thôn gồm các công trình Miếu, Đình, Chùa được giữ gìn, tôn tạo, ngoài ra tại những vị trí còn quỹ đất mở rộng sẽ quy hoạch những khuôn viên cây xanh vừa đảm bảo cảnh quan thôn bản chung vừa là mảng xanh cách ly để tạo nên không gian cách ly tương đối để bảo vệ các công trình di tích.

- Để đảm bảo điều kiện sinh hoạt văn hóa của nhân dân, đảm bảo tiêu chí nông thôn mới, mỗi xã đều dành quỹ đất để xây dựng nhà văn hóa và sân thể thao thôn tại những vị trí phù hợp và có quỹ đất đảm bảo để xây dựng nhà văn hóa và sân thể thao đạt chuẩn theo tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu sử dụng trong tương lai.

Các công trình nhà văn hóa, sân thể thao thôn được quy hoạch cụ thể như sau:

- Điều chỉnh quy hoạch nhà văn hóa thôn Đoàn Nữ về tại khu Đầm Đàng Nứa, đổi diện đình thôn Đoàn Nữ có quy mô 0,37ha

- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Kinh Đào giữ nguyên vị trí hiện trạng. Cải tạo nhà văn hóa đạt chuẩn diện tích 1215m².

- Nhà văn hóa thôn Tảo Khê giữ nguyên vị trí hiện trạng, cải tạo đạt chuẩn. Mở rộng mới khu thể thao tại khu Vườn Mèo có quy mô 0,21ha

- Mua sắm đầy đủ trang thiết bị đạt chuẩn cho các nhà văn hóa và các khu thể thao thôn.

4.4. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ.

** Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ:*

- Đất để xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn bao gồm:

+ Quỹ đất xây dựng nhà ở tái định cư cho những hộ dân có nhà ở hiện trạng thuộc diện phải giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng các chức năng khác theo

phương án quy hoạch đề xuất.

+ Quỹ đất xây dựng nhà ở cho những hộ dân tăng thêm do sự gia tăng dân số theo tính toán dự báo của đồ án quy hoạch bao gồm: các hộ dân tăng thêm trong các thôn do gia tăng dân số tự nhiên và các hộ dân từ nơi khác đến xã do gia tăng dân số cơ học.

+ Quỹ đất dành cho xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất đồng thời được lựa chọn tại những vị trí thích hợp tuân thủ quy hoạch không gian tổng thể toàn xã.

- Định hướng quy hoạch cải tạo điểm dân cư nông thôn hiện hữu:

+ Khi tiến hành cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, khu trung tâm xã, khu xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác (quốc phòng, di tích lịch sử...). Khu vực (theo chức năng) đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; khu vực đã ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

+ Đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện sống của nhân dân trong các điểm dân cư cũ như tổ chức lại các không gian chức năng, nâng cấp mạng lưới giao thông và các công trình đầu mối kỹ thuật.

+ Rà soát lại sự phân bố dân cư theo quy hoạch đã và đang thực hiện. Tùy theo tiềm năng và thế mạnh về phát triển kinh tế của địa phương xác định rõ mô hình xã nông nghiệp, phi nông nghiệp, có nghề truyền thống, có dịch vụ du lịch, thương mại.

+ Đề xuất quy hoạch mới khu dân cư phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai hoặc nhu cầu tái định cư khu có yêu cầu thay đổi mục đích sử dụng đất.

+ Chuyển đổi mục đích sử dụng những thửa đất canh tác nhỏ xen lẫn đất thổ cư để có điều kiện hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

**** Xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương:***

- Một số hướng dẫn về thiết kế công trình và cải tạo không gian ở:

+ Vị trí và hướng công trình phù hợp với hướng nắng, gió (nhà ở theo hướng đông nam), nên bố trí các công trình vệ sinh đạt chuẩn và công trình chuồng trại xa nơi ở.

+ Phát huy nhà 3 gian, 5 gian - loại nhà ở truyền thống, phù hợp vi khí hậu và là bản sắc văn hóa của địa phương.

+ Đối với những hộ dịch vụ, kinh doanh cá thể cần thiết kế nhà theo mô hình: Kinh doanh sân vườn → ở → công trình → vệ sinh.

- Đề xuất một số mô hình ở:

+ Mẫu nhà ở áp dụng cho hộ phi nông nghiệp (nhà mặt phố ở kết hợp với thương mại dịch vụ): Diện tích: 200m²; tầng cao 1-5 tầng; bao gồm: không gian kinh doanh thương mại dịch vụ phía giáp đường giao thông, không gian ở, sân vườn giếng trời, khu phụ.

+ Mẫu nhà ở cho hộ bán nông nghiệp (nhà ở nông thôn có cửa hàng): Diện tích: 300m²; tầng cao 1 – 5 tầng; bao gồm cửa hàng kinh doanh giáp đường; không gian ở kết hợp sân gạch để phơi lúa, màu; khu phụ nhỏ, giếng nước, chăn nuôi nhỏ.

+ Mẫu nhà ở cho hộ thuần nông: diện tích 400m²; tầng cao 1-3 tầng; bao gồm cổng vào qua ao nhỏ, sân gạch, nhà chính (nhà ngang) 3 gian, 5 gian (có chái hoặc không có chái); nhà bếp (nhà dọc); vườn sau trồng cây ăn quả, rau, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ Mẫu nhà cho hộ sản xuất nông nghiệp mô hình (VAC): diện tích 450m²; tầng cao 1 tầng; bao gồm: cổng vào từ phía đường giao thông qua ao nhỏ, sân gạch (sân phơi); nhà chính nhà phụ của không gian ở, bếp và WC; khu vườn ao chuồng khép kín.

*** Bố trí diện tích đất đấu giá, đất tái định cư:**

- Do tỷ lệ tăng dân số của xã để đáp ứng yêu cầu về diện tích đất ở với mục đích tăng ngân sách trong xã để có nguồn vốn xây dựng các công trình thiết yếu, xã đã đề nghị dành quỹ đất cho giãn dân, đấu giá tái định cư, đất đền bù giải phóng mặt bằng, đất xen kẹt, cụ thể:

(1) Khu đất tái định cư tại khu Đồng Chùa, quy mô 0,76 ha.

(2) Khu đất đấu giá tại khu Đồng Chùa, quy mô 2,00 ha.

(3) Khu đất đấu giá tại khu Đồng Muôn, quy mô 0,52 ha.

(4) Khu đất đấu giá tại khu Cửa Chùa, quy mô 1,05 ha.

(5) Khu đất đấu giá chuyển đổi từ trạm y tế cũ, diện tích 347m². Khu dịch vụ HTX và quỹ tín dụng cũ, quy mô 357m².

(6) Khu đất đấu giá tại khu Đồng Làng Nứa, Cánh Buồm bên cạnh Trạm y tế mới, quy mô 0,66ha.

(7) Khu đất đấu giá tại khu Dộc Dưới, chạy từ Luỹ ra mặt đường ven đê sông Đáy có quy mô 1,5ha.

4.5. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

4.5.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Phương hướng:

- Căn cứ vào điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, mức độ chủ động trong tưới tiêu, hiện trạng sản xuất nông nghiệp ở các xứ đồng. Quy hoạch vùng sản xuất đến năm 2020 phát triển theo hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa phân bố theo các thôn trên

cơ sở diện tích canh tác hiện trạng có chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng. Cùng với việc đầu tư mạng lưới giao thông nội đồng, cứng hóa kênh mương, nâng cấp hệ thống thủy lợi chủ động tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

- Dựa theo lợi thế phát triển của vùng và nhu cầu tiêu thụ nông sản hàng hóa của thị trường địa phương và các khu vực lân cận định hướng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

b. Định hướng quy hoạch:

+ Quy hoạch vùng trồng Lúa, tổng diện tích 119,96ha.

Bảng 8: Bảng thống kê vị trí quy hoạch phát triển lúa chất lượng cao

STT	Thôn	Địa điểm QH	Diện tích (ha)
1	Thôn Tảo Khê		
		Cửa Quan	3,501
		Đầm giếng trong + ngoài	9,223
		Thượng Làng	1,704
		Trại Dâu Tằm	0,627
2	Thôn Kinh Đào		
		Soi Dâu	4,516
		Đồng Thượng	10,895
		Gò đế	7,427
		Đồng Hạ, Quảng vũ ngoài (nửa ngoài)	11,089
		Cửa Cầu Đội 2, Đồng Chùa Đội 3	8.956
		Bức Bò (nửa ngoài)	4,103
		Huy Văn (nửa ngoài)	3,240
3	Thôn Đoan Nữ		
		Muôn Mang, Muôn Đê	11,571
		Buồm Duối, Buồm Đê, Trùng Một	18,310
		Hoi Đồi + Cây Đu + Trên + Dưới	16,291
		Bãi Láng Trên+Dưới	8,510
	Tổng		119,960

- Các giống lúa trồng cũ thường có năng suất kém, thời gian gieo cấy kéo dài, hiệu quả kinh tế không cao. Hiện nay, công tác chọn tạo giống lúa của nước ta đã đạt được nhiều thành tựu, đưa ra thị trường nhiều giống mới có những đặc tính ưu việt như: Năng suất cao, chất lượng tốt, thời gian sinh trưởng ngắn nhưng kỹ thuật thâm canh khó, do vậy phải lựa chọn những cánh đồng bằng phẳng, không quá trũng, chất đất tốt, chủ động trong tưới tiêu. Căn cứ vào đặc điểm đồng ruộng của địa phương sẽ lựa chọn những cánh đồng phù hợp trên cơ sở gọn vùng, gọn cánh dành ra những diện tích chuyên trồng lúa chất lượng cao. Giống lúa này có năng suất cao, chất lượng tốt sẽ tăng giá trị kinh tế trên một vụ kết hợp với thời gian sinh trưởng ngắn sẽ tăng số vụ trồng trọt trên một năm từ 2 lên 3 vụ.

- Cơ cấu giống lúa được chuyển sang các loại giống có giá trị nông sản hàng hóa cao như lúa chất lượng cao, lúa chịu thâm canh, có khả năng thích nghi tốt với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu địa phương. Trước khi đưa các giống mới vào sản xuất cần tổ chức tập huấn kỹ thuật cho bà con, xây dựng mô hình trình diễn, đánh giá hiệu quả mô hình, nếu mô hình có hiệu quả phù hợp mới nhân rộng sản xuất.

- Đến năm 2030 toàn xã quy hoạch vùng chất lượng cao đạt 122ha tạo vùng sản xuất thâm canh tập trung có giá trị kinh tế cao, diện tích còn lại tiếp tục trồng các giống lúa thường theo hướng lựa chọn đặc điểm của giống phù hợp với đặc điểm của vùng canh tác.

- Chuyển đổi khu vực đất lò gạch cũ tại thôn Kinh Đào sang sản xuất lúa với tổng diện tích 0,27ha.

+ Quy hoạch chuyển đổi đất lò gạch cũ tại thôn Tảo Khê diện tích 0,73ha sang đất trồng cây hàng năm khác.

+ Quy hoạch chăn nuôi tập trung xa dân cư: Cũng như nhiều xã nông thôn khác, tại xã An Mỹ mô hình chăn nuôi phổ biến hiện nay là chăn nuôi trong hộ gia đình quy mô nhỏ, phân tán, trong thời gian qua mô hình này đã cho thấy có nhiều bất cập trong đầu tư thâm canh, quản lý dịch bệnh, ô nhiễm môi trường sống, sản phẩm thiếu đồng đều, khối lượng sản phẩm hàng hóa không đủ lớn để hình thành thị trường tại chỗ... Hiện nay, trên địa bàn xã cũng có những hộ gia đình làm kinh tế trang trại chăn nuôi với số lượng lớn song những bất cập trên vẫn còn tồn tại do thiếu nguồn vốn đầu tư, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế.

Định hướng phát triển các khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất là một chủ trương đúng đắn nhằm khắc phục các bất cập nêu trên, cụ thể:

- Việc xây dựng khu chăn nuôi tập trung sẽ thuận tiện cho đầu tư cơ sở hạ tầng để tiến hành chăn nuôi lớn, hạ giá thành sản phẩm, bên cạnh đó sẽ thu hút và huy động được nguồn vốn của các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển chăn nuôi.

- Đảm bảo xây dựng được hệ thống công trình chuồng trại đảm bảo vệ sinh an toàn, kiểm soát được dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn.

- Một số trang trại tập trung sẽ kết hợp xây dựng mô hình VAC (vườn ao chuồng), dành một phần diện tích nuôi trồng thủy sản nhằm tận dụng nguồn thức ăn có trong hệ thống chăn nuôi và dành một phần đất trồng trọt tận dụng nguồn phân bón tại chỗ, sản phẩm thu được trong nuôi trồng thủy sản và trồng trọt lại chính là nguồn thức ăn phục vụ chăn nuôi tạo nên mô hình sản xuất khép kín tiết kiệm nhiều chi phí trong sản xuất.

- Trên cơ sở nghiên cứu điều kiện thực tế của xã An Mỹ, trong kỳ quy hoạch chung xã sẽ tập trung quy hoạch trang trại chăn nuôi tập trung tại Bài Láng 6,42ha.

+ Quy hoạch mở rộng đất nuôi trồng kết hợp Lúa - Cá:

Bảng 9: Thống kê diện tích mở rộng quy hoạch đất nuôi trồng kết hợp Lúa - Cá

STT	Thôn	Địa điểm QH	Diện tích (Ha)
1	Thôn Tảo Khê	Ruộng Lệ	0.9
		Đầm Tròn	2.98
		Đầm Trạn	3.1
		Ruộng Biểu	0.62
2	Thôn Kinh Đào		
		Huy văn (nửa trong)	2.01
		Bức Bò (nửa trong)	1.32
		Quảng Vũ ngoài (nửa trong)	1
		Quảng vũ trong	6.02
3	Thôn Đoan Nữ	Đất lò gạch cũ	1,39
	Tổng		19,34

+ Quy hoạch đất trồng cây hàng năm khác.

- Chuyển đổi từ đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng các cây hàng năm khác (rau, hoa, dược liệu...) tại khu Hòn Đá, Đồng Giò, Thượng Làng Trên, Đạc 5,6,7,8, thôn Tảo Khê, diện tích khoảng 18,25 ha.

+ Quy hoạch đất trồng cây ăn quả, cây lâu năm.

- Chuyển đổi có kế hoạch đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm tại các khu vực Đồng Láng Nửa, Cánh Buồm, khu Đồi, Áng Cống, Hoi Đồi thuộc thôn Đoan Nữ; Gò Đé, Mái Dưới thôn Kinh Đào; Đạc 1,2,3,4, Vườn Mèo, Cửa Đình, Gốc Găng, Dộc trên, Dộc dưới thôn Tảo Khê do những khu vực này nằm liền cận với khu dân cư và bị chia cắt phân tán không mang lại hiệu quả sản xuất cao, diện tích khoảng 18,37 ha.

- Chuyển đổi đất dự kiến xây dựng nhà văn hoá thôn Đoan Nữ theo quy hoạch năm 2012 sang đất trồng cây lâu năm, diện tích 5000m².

+ Chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản tại khu vực Mái Dưới thôn Kinh Đào, đồng Hoi đồi, Rền Cống thôn Đoan Nữ do cấy lúa kém hiệu quả, diện tích khoảng 4,00 ha.

+ Xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất:

- Hệ thống thủy lợi:

Nâng cấp 2 trạm bơm: trạm Trại dâu tầm ở thôn Tảo Khê lên 2000m³/h, trạm vườn vải gần khu trường học cấp 3 thuộc thôn Kinh Đào lên 2000m³/h.

Nạo vét, cải tạo mặt cắt kênh thoát từ đê ra Sông Đáy (Máng 7).

Trong thời gian tới cần xây dựng mới 1 trạm bơm tại Đồng Muôn Làng với công

suất 600m³/h.

Xây dựng cải tạo mới 5 trạm bơm :

Trạm bơm Vườn Mèo

Trạm bơm Bức Bò

Trạm bơm Đồng Muôn

Trạm bơm Đồng Dôi

Trạm bơm Bài Láng

Bảng 10: Thống kê diện tích hệ thống thủy lợi

TT	Công trình	Đã có dự án	Nhu cầu đầu tư			
			Tổng số	Trong đó	Làm mới	Nâng cấp
I	Kênh Tiêu		9,479	9,479		
1	Thôn Tảo Khê		0,968	0,968		
	Đõnh - Đầm Trạn		0,968	0,968		
2	Thôn Đoan Nữ		4,073	4,073		
	Hoi Đồi - Lệ Vời		1,470	1,470		
	Đồi Lục - Dạng Chuối		1,080	1,080		
	Đồi Mới cầu - Dạng Chuối		0,770	0,770		
	Đường 419 (Mã Sô) - Đê Đáy		0,380	0,380		
	Đa ngoài - đường Đổng		0,373	0,373		
3	Thôn Kinh Đào		3,686	3,686		
	Cửa Cầu - Bức Bũ - Kênh 7					
	Đ. Thượng - cầu Bức Bũ		0,806	0,806		
	419 đi Đồi Gũ Đé		0,490	0,490		
	Đầm Trạn - Đường 419		0,320	0,320		
	S. Vĩnh Lạc - Song Đồng Quan		1,140	1,140		
	Giữa Bói Lông - Quảng Vũ Trong		0,930	0,930		
II	Kênh Tươi		6,00	6,00		
1	Thôn Tảo Khê		1,18	1,18		
	Đạc 1+2 - cầu Mông					
	Vườn Mèo - Cửa Đình					
	Trạm bơm - Đạc 3+4					
	Đạc 1+2					
	Đạc 8					
	Đạc 8 - Thượng làng dưới		0,550	0,55		
	Đạc 3 - Đạc 1		0,250	0,25		
	Cửa Đình - Cửa Quan		0,380	0,38		
2	Thôn Đoan Nữ		2,9	2,9		
	Đồng Muôn					
	Đồi Lục					
	Đồi Mới					

	Đồng Rụi - Quyển				
	Đôi Ngũ Nốt				
	Đường Đa				
	Hoi Đôi				
	Khoanh Vụng				
	Trùng 3				
	Đường Đa - Cống Rụi		0,35	0,35	
	Tổ Ác		0,25	0,25	
	Khoanh Vụng Trên		0,25	0,25	
	Hoi Đôi		0,35	0,35	
	Muôn Mong		1	1	
	Dền - Hỏu		0,40	0,4	
	Hỏu		0,30	0,3	
3	Thôn Kinh Đào		1,92	1,92	
	Trạm bơm - Đôi Con Xà				
	Bức Bù - Huy Văn				
	Bài Lông				
	Soi Dâu - Cửa Cầu				
	Con Xà - 5% (Độc)				
	5% - đường 419				
	Đồng Thượng - Nghĩa Địa				
	Soi Dâu - Bức Bù				
	Soi Dâu				
	Sóc Mẫu		0,33	0,33	
	Đồng Chựa		0,32	0,32	
	Soi Dõu		0,32	0,32	
	Bài Lông		0,45	0,45	
	Độc - Sóc Hào		0,50	0,5	

4.5.2. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

+ Mục tiêu:

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn để tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch, vụ thương mại.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư vào phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã, nhằm tăng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn và thu nhận lao động nông nghiệp của xã để thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo tiêu chí xây dựng Nông thôn mới.

- Chú trọng công tác khuyến công, nhân rộng phát triển các nghề tiểu thủ công nghiệp hiện đang phát triển trên địa bàn xã, như nghề mộc dân dụng, may công nghiệp, cơ khí, chế biến thực phẩm.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề, nâng cao trình độ cho người lao động; phối

hợp với các lớp đào tạo dạy nghề phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp của các doanh nghiệp để có cơ hội tìm kiếm việc làm.

- Để giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động thì xã nên tập trung vào phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp nhằm sử dụng lao động nông nghiệp có trình độ thấp và không có vốn đầu tư cho ngành nghề sản xuất khác. Định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp các nghề như cơ khí, sửa chữa, nghề mộc, may gia công... Lực lượng lao động này cần được đào tạo nghề để nắm được các kỹ năng trong sản xuất. Đồng thời tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường sinh thái và bản sắc văn hóa.

+ Quỹ đất dành cho phát triển tiểu thủ công nghiệp: Quy hoạch mở rộng khu may thêu Mỹ Đức từ 5.000 m² lên 10.000 m².

+ Giải pháp:

- Tìm kiếm thị trường sản phẩm TTCN: Trong trong quan hệ thị trường lấy cầu kích cung là một trong những nguyên tắc quan trọng để phát triển. Việc tìm kiếm thị trường do sản phẩm đảm bảo sản xuất ổn định và việc làm thường xuyên cho người lao động.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường các cơ sở TTCN: Áp dụng các hình thức hỗ trợ và vốn vay tín dụng, thu hút nguồn đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường cho các cơ sở tiểu thủ công nghiệp. Cần xây dựng kế hoạch chi tiết trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, xử lý tốt hơn về vấn đề môi trường, đảm bảo phát triển sản xuất theo hướng hiệu quả và bền vững.

- Áp dụng khoa học công nghệ mới trong sản xuất: Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp có truyền thống lâu đời ở Việt Nam, song trong lao động sáng tạo, con người đã tạo ra nhiều sáng kiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Cần học hỏi những địa phương có truyền thống sản xuất và sản xuất có hiệu quả, luôn cập nhật những công nghệ mới, phù hợp điều kiện địa phương đưa vào sản xuất.

- Chương trình khuyến nông, khuyến công, hỗ trợ sản xuất: Nhà nước ta có một số chính sách về khuyến nông, khuyến công, hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề... Vì vậy cần áp thực hiện triệt để những chính sách này làm động lực thúc đẩy phát triển sản xuất tại địa phương.

- Tổ chức đào tạo nghề cho nông dân: Đối một số ngành nghề định hướng phát triển, cần phải chuẩn bị kiến thức kỹ năng cho bà con thông qua các lớp tập huấn, đào tạo nghề. Khuyến khích các cơ sở nghề truyền thống mở lớp đào tạo nghề cho lao động địa phương và các vùng lân cận (theo thông tư số 113/2006/TT-BTC của bộ tài chính, Thông tư liên tịch 06/2006/TTLT-BLĐTBXH, Quyết định 1956/QĐ-TT ngày 27/11/2009 của Chính phủ phê duyệt đề án "Đào tạo nghề cho người lao động nông thôn mới đến năm 2020".

4.5.3. Sản xuất dịch vụ và thương mại

+ Mục tiêu:

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, thương mại với tốc độ tăng trưởng cao hơn trong giai đoạn vừa qua. Dịch vụ, thương mại là ngành sản xuất chiếm tỷ trọng khá thấp trong xã An Mỹ hiện nay.

- Chuyển một phần lao động nông nghiệp sang làm dịch vụ, buôn bán để thực hiện chuyển dịch lao động nông thôn theo tiêu trí nông thôn mới và tăng thu nhập cho một bộ phận người dân của xã.

- Phát triển dịch vụ thương mại sẽ thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất, phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng của dân cư, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phân công lao động xã hội, thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của xã.

+ Giải pháp:

- Đầu tư xây dựng HTX nông nghiệp.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng cho chợ xã (mở rộng thêm khoảng 1400 m² tại khu ao hồ của Khu tưởng niệm liệt sĩ).

- Phát triển mạng lưới thương mại nhiều thành phần, trong đó hoạt động thương mại ngoài quốc doanh là chủ yếu.

- Phát triển tiềm năng du lịch sinh thái trên địa bàn xã: Khu du lịch Quan Sơn, khu nghỉ dưỡng Tuy Lai nằm trong quy hoạch của thành phố chiếm diện tích 151.6ha trên địa bàn xã, tạo điều kiện phát triển kinh tế thương mại, dịch vụ buôn bán, ăn uống...

- Tổ chức tốt thị trường trên địa bàn xã, gắn với địa bàn lân cận.

- Công tác tuyên truyền: Đẩy mạnh công tác vận động tuyên truyền và có chính sách phù hợp để nhân dân đồng tình trong việc giải tỏa mặt bằng xây dựng khu thương mại dịch vụ.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng: Xây dựng các điểm thương mại - dịch vụ tập trung của xã. Cần đầu tư xây mới, nâng cấp chợ để thúc đẩy phát triển mạnh khu thương mại dịch vụ đầu mối của xã. Các doanh nghiệp, cá nhân và các hộ kinh doanh cùng tham gia đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý nguồn vốn, cơ chế chính sách xây dựng, hỗ trợ cơ sở hạ tầng áp dụng theo tinh thần Quyết định số 23/QĐ-TT ngày 6/1/2010 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển thương mại nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020”.

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ: Có chính sách và cơ chế khuyến khích phát triển đa dạng các loại hình hoạt động dịch vụ, thương mại. Trước hết, các loại hình dịch vụ cần đa dạng đảm bảo được các nhu cầu trong sinh hoạt và sản xuất của người dân, sau đó phát triển dần các loại hình dịch vụ cần mở rộng để thúc đẩy ngành thương mại dịch vụ phát triển và các loại hình có xu hướng tăng trong tương lai. Bên cạnh đó,

cần đa dạng hóa các loại hình tổ chức cung ứng dịch vụ để phát huy nội lực của các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu kinh tế tư nhân .

- Thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp: Trong nông nghiệp vai trò của cơ giới hóa rất quan trọng, đặc biệt là khâu thu hoạch lúa đang thiếu lao động trầm trọng, và cũng do thu hoạch thủ công nên thất thoát tới 10% sản lượng. Với các nguồn kinh phí khuyến nông của Bộ NN-PTNT và vốn khuyến công đã xây dựng nhiều mô hình cơ giới từ khâu làm đất, gieo hạt, gặt lúa xếp dẫy, gặt lúa liên hợp.

+ Chính sách thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn xã: Bên cạnh các chính sách phát triển thương mại dịch vụ theo quy định của nhà nước, chính quyền địa phương cần xây dựng các hoạt động khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đến đầu tư phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ tại địa bàn.

+ Khu dịch vụ thương mại được định hướng quy hoạch phát triển gần trung tâm xã và các khu dân cư.

Diện tích đất dọc theo ven sông Đáy qua xã An Mỹ quy hoạch trồng cây ăn quả, trồng rau, trồng tre chắn sóng... phục vụ cho du lịch cảnh quan sông Đáy.

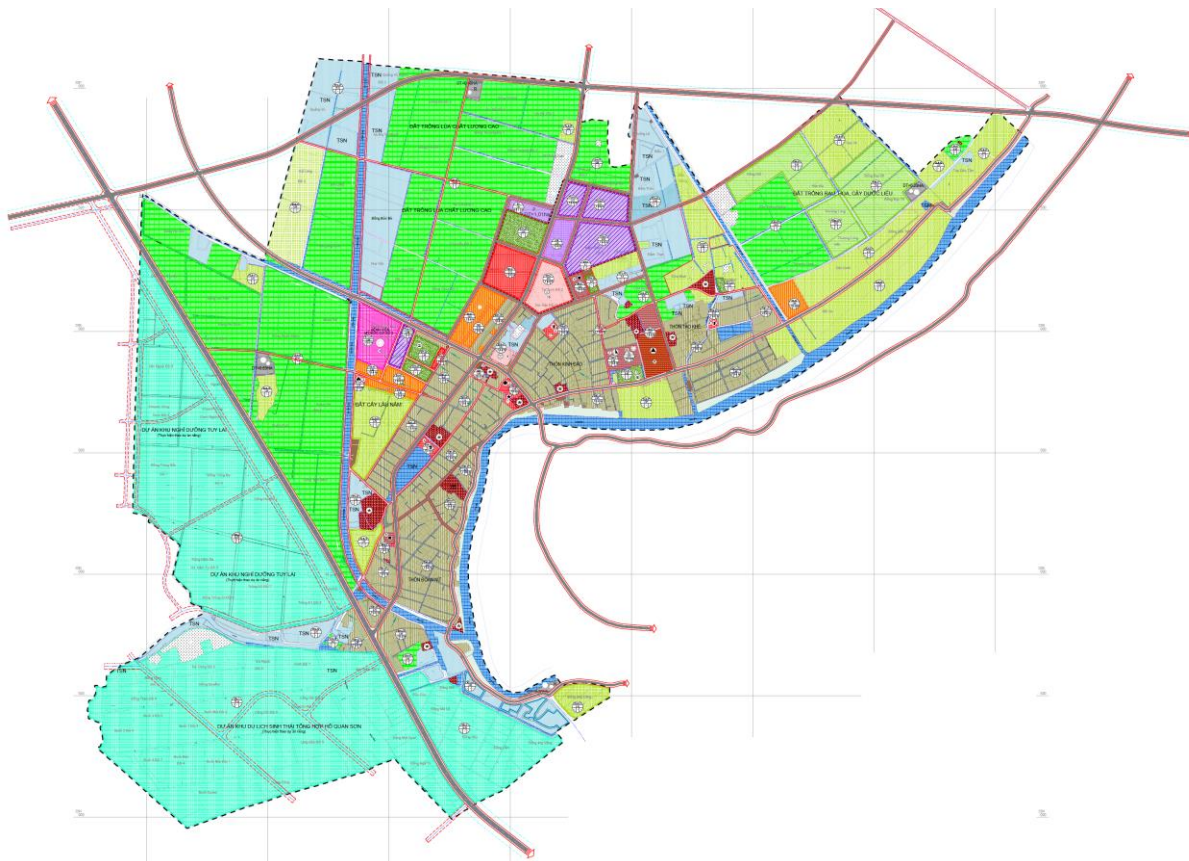
4.6. Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã

Các khu chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã chủ yếu là các dự án áp đặt từ quy hoạch chung của toàn huyện, vì vậy, trong quá trình rà soát quy hoạch chung huyện để tiến hành điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã, các dự án được rà soát và định hướng theo quy hoạch chung của huyện nhưng phù hợp với thực tế trên địa bàn xã.

- Dự kiến Chuyển đổi 62.31 ha đất dành mục đích nông nghiệp cho thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng Tuy Lai, tại phía Tây tuyến giao thông Miếu Môn- Hương Sơn

- Dự kiến chuyển đổi 76.09 ha đất dành mục đích nông nghiệp cho thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái tổng hợp Hồ Quan Sơn, tại phía Tây tuyến giao thông Miếu Môn- Hương Sơn

V. ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



Hình 13: Quy hoạch sử dụng đất xã An Mỹ

5.1. Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện:

* Nguyên tắc lập quy hoạch sử dụng đất:

- Phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Được lập từ tổng thể đến chi tiết; Quy hoạch sử dụng đất cấp dưới phù hợp Quy hoạch sử dụng đất cấp trên; kế hoạch sử dụng đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả.

- Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

- Bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Dân chủ và công khai.

- Bảo đảm ưu tiên quỹ đất cho mục đích quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia, cộng đồng, an ninh lương thực và bảo vệ môi trường.

- Quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất phải phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước phê duyệt.

*** Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện:**

Về nguyên tắc quy hoạch sử dụng đất của xã tuân thủ theo định hướng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Tuy nhiên, do việc triển khai quy hoạch chung Nông thôn mới được lập trước khi lập quy hoạch chung huyện Mỹ Đức do vậy có một số điều chỉnh về diện tích đất đai.

Các tính toán quy mô diện tích và so sánh khối lượng chênh lệch như sau

5.2. Xác định diện tích cho nhu cầu phát triển cho từng loại đất:

Bảng 10: Bảng tổng hợp đất đai xây dựng

TT	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	Mã	Diện Tích (ha)	Cơ Cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	245.21	40.36
1.1	Đất trồng lúa	LUA	119.43	19.66
1.2	Đất trồng cây hàng năm	HNK	22.71	3.74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	51.90	8.54
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	44.68	7.35
1.5	Đất chăn nuôi	DCN	6.49	1.07
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	0.00	0.00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	119.76	19.71
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	UBND	0.48	0.08
2.2	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0.00	0.00
2.3	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA	1.88	0.31
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	4.41	0.73
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	4.96	0.82
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	27.81	4.58
2.7	Đất sông, suối	SON	0.00	0.00
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	79.16	13.03
a	Đất giao thông	DGT	38.96	6.41
b	Bến xe	BX	1.01	0.17
c	Đất thủy lợi	DTL	26.01	4.28
d	Đất năng lượng	DNL	0.00	0.00
e	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0.06	0.01
f	Đất văn hoá		0.87	0.14
	<i>Nhà văn hóa thôn Tảo Khê</i>	<i>DVH-01</i>	<i>0.13</i>	<i>0.02</i>
	<i>Nhà văn hóa thôn Kinh Đào</i>	<i>DVH-02</i>	<i>0.12</i>	<i>0.02</i>
	<i>Nhà văn hóa thôn Đoàn Nữ</i>	<i>DVH-03</i>	<i>0.37</i>	<i>0.06</i>
	<i>Nhà văn hóa Xã</i>	<i>DVH-04</i>	<i>0.25</i>	<i>0.04</i>
g	Đất y tế	DYT	3.79	0.62
	<i>Trạm y tế xã</i>	<i>DYT-01</i>	<i>0.19</i>	<i>0.03</i>
	<i>Phòng khám đa khoa khu vực An Mỹ</i>		<i>0.10</i>	<i>0.02</i>
	<i>Bệnh viện Mỹ Đức</i>	<i>DYT-02</i>	<i>3.50</i>	<i>0.58</i>
h	Đất giáo dục đào tạo	DGD	4.71	0.78

TT	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	Mã	Diện Tích (ha)	Cơ Cấu (%)
	<i>Trường trung học phổ thông</i>	THPT	2.71	0.45
	<i>Trường trung học cơ sở</i>	THCS	0.50	0.08
	<i>Trường tiểu học</i>	TH	0.70	0.12
	<i>Đất trường mầm non thôn Tảo Khê, Kinh Đào</i>	MN-01	0.60	0.10
	<i>Điểm trường mầm non thôn Đoan Nữ</i>	MN-02	0.20	0.03
i	Đất thể dục thể thao		3.04	0.50
	<i>Đất thể dục thể thao giáp đường ven đê</i>	DTT-01	0.68	0.11
	<i>Đất thể thao kết hợp nhà văn hóa xã tại khu Cửa Chùa</i>	DTT-02	1.08	0.18
	<i>Đất vườn hoa, cây xanh tại khu Cửa Chùa</i>	DTT-03	0.65	0.11
	<i>Đất cây xanh tập luyện tại khu Vườn Mèo</i>	DTT-04	0.21	0.03
	<i>Đất cây xanh cảnh quan tại khu Mảnh Bách</i>	DTT-05	0.42	0.07
k	Chợ xã	DCH-01	0.61	0.10
l	Hạ tầng kỹ thuật	HTKT	0.10	0.02
2.9	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1.06	0.17
	<i>Công ty may thêu An Mỹ</i>	TTCN-06	1.00	0.16
	<i>Đất phi nông nghiệp khác</i>		0.06	0.01
3	Đất chưa sử dụng	DCS	0.00	0.00
4	Đất du lịch	DDL	151.55	24.95
	<i>Đất du lịch</i>	DDL 1	76.09	12.53
	<i>Đất du lịch</i>	DDL 2	13.15	2.16
	<i>Đất du lịch</i>	DDL 3	62.31	10.26
5	Cụm đôi mới		19.80	
5.1	Đất dịch vụ du lịch	DDV-01	3.12	0.51
5.2	Đất trưng bày giới thiệu sản phẩm	DTB	1.39	0.23
5.3	Đất dịch vụ công cộng	DDV-02	2.72	0.45
5.4	Đất thiếu thủ công nghiệp	TTCN	7.97	1.31
	<i>Khu đất thiếu thủ công nghiệp</i>	TTCN-01	2.60	0.43
	<i>Khu đất thiếu thủ công nghiệp</i>	TTCN-02	1.15	0.19
	<i>Khu đất thiếu thủ công nghiệp</i>	TTCN-03	4.22	0.69
5.5	Đất quảng trường - cây xanh	DTT-06	2.36	0.39
5.6	Đất giao thông cụm đôi mới	PNK	2.24	0.37
6	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	70.25	11.56
6.1	<i>Đất ở nông thôn</i>	ONT	63.69	10.48
6.2	<i>Đất tái định cư</i>	TDC	0.76	0.13
6.3	<i>Đất đấu giá</i>	DG	5.80	0.95
	<i>Đất đấu giá khu Đồng Chùa đội 3</i>	DG-01	2	0.33
	<i>Đất đấu giá khu Đồng Muôn đội 4</i>	DG-01	0.52	0.09
	<i>Đất đấu giá khu Đồng Muôn, Cửa Chùa</i>	DG-02	1.05	0.17
	<i>Đất đấu giá khu Đồng Láng Nứa</i>	DG-03	0.66	0.11
	<i>Đất đấu giá khu Dộc Dưới, tiếp giáp đường ven đê</i>	DG-04	1.5	0.25

TT	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	Mã	Diện Tích (ha)	Cơ Cấu (%)
	<i>Đất đấu giá chuyển đổi từ trạm y tế cũ, khu dịch vụ HTX và quỹ tín dụng cũ</i>	DG-05	0.07	0.01
	Tổng		606.57	100.00

5.3. Các điều chỉnh đất đai:

Các thông kê về diện tích và so sánh điều chỉnh:

Bảng 11: Bảng tổng hợp điều chỉnh đất so với quy hoạch đã duyệt

TT	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	Mã	Diện tích theo đồ án QHNTM đã phê duyệt	Diện tích điều chỉnh QH đến 2030	Chênh lệch
1	Đất nông nghiệp	NNP	307.50	245.21	-62.29
1.1	Đất trồng lúa	LUA	258.81	119.43	-139.38
1.2	Đất trồng cây hàng năm	HNK	23.45	22.71	-0.74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.72	51.90	49.18
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16.1	44.68	28.58
1.5	Đất chăn nuôi	DCN		6.49	6.49
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	6.42	0.00	-6.42
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	147.97	119.76	-28.21
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	UBND	0.77	0.48	-0.29
2.2	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	5.65	0.00	-5.65
2.3	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA	1.9	1.88	-0.02
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	4.79	4.41	-0.38
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	4.03	4.96	0.93
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	28.05	27.81	-0.24
2.7	Đất sông, suối	SON	0	0.00	0.00
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	100.57	79.16	-21.41
2.9	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2.21	1.06	-1.15
3	Đất chưa sử dụng	DCS		0.00	0.00
4	Đất du lịch	DDL	89.2	151.55	62.35
5	Đất cụm đổi mới		0	19.80	19.80
6	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	0.00	70.25	70.25
	<i>Đất ở nông thôn</i>	<i>ONT</i>	<i>61.9</i>	<i>63.69</i>	<i>1.79</i>
	<i>Đất tái định cư</i>	<i>TDC</i>		<i>0.76</i>	<i>0.76</i>
	<i>Đất đấu giá</i>	<i>DG</i>		<i>5.80</i>	<i>5.80</i>
	Tổng		606.57	606.57	0.00

TT	Nội dung điều chỉnh quy hoạch	Kí hiệu	Vị trí điều chỉnh	Hiện trạng đất	Chức năng sử dụng đất trong quy hoạch chung huyện	Chức năng sử dụng đất trong quy hoạch NTM năm 2012	Phương án quy hoạch		Diện tích sau điều chỉnh (ha)	Ghi chú
							Bổ sung	Điều chỉnh		
A	Điều chỉnh quy hoạch sản xuất									
1	Đất trồng cây hàng năm	A1	Xứ đồng Hòn Đá, Đồng Giò	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		6.96	Đất lúa kém hiệu quả
		A2	Xứ đồng Thượng Làng	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		3.64	Đất lúa kém hiệu quả
		A3	Xứ đồng Đạc 5,6,7,8	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		7.65	Đất lúa kém hiệu quả
2	Đất cây lâu năm	A4	Xứ đồng Láng Nửa thôn Đoan Nữ	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		5.7	Đất lúa xen kẹt kém hiệu quả
		A5	Xứ đồng Áng Công thôn Đoan Nữ	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		2.2	Đất lúa xen kẹt kém hiệu quả
		A6	Xứ đồng khu Hoi Đồi thuộc thôn Đoan Nữ	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		1.01	Đất lúa kém hiệu quả
		A7	Xứ đồng khu Đồi thuộc thôn Đoan Nữ	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa+ nhà văn hoá thôn Đoan Nữ		x	1.53	Đất lúa kém hiệu quả, nhà văn hoá quy mô 3600m2
		A8	Xứ đồng Mái Dưới thôn Kinh	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		1	Đất lúa kém hiệu quả

		A9	Xứ đồng Gò Đé thôn Kinh Đào	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm	x		0.5	Đất lúa kém hiệu quả
		A10	Xứ đồng Vườn Mèo, Cửa Đình, Góc Găng thôn Tảo Khê	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa		x	6.91	Đất lúa xen kẹt kém hiệu quả
		A11	Xứ đồng Dộc trên, Dộc dưới thôn Tảo Khê	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		6.49	Đất lúa kém hiệu quả
		A12	Xứ đồng Đạc 1,2,3,4, thôn Tảo Khê	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		5.2	Đất lúa kém hiệu quả
3	Đất nuôi trồng thủy sản	A13	Xứ đồng Hoi Đôi thôn Đoan Nữ	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		0.95	Đất lúa kém hiệu quả
B	Cụm đổi mới									
1	Đất tiêu thụ công nghiệp	B1	Xứ đồng Đình Đồng Mái	Đất trồng lúa	Cụm đổi mới	Đất trồng lúa	x		2.16	
		B2	Xứ đồng Chùa Gai	Đất trồng lúa	Cụm đổi mới	Đất trồng lúa	x		1.15	
		B3	Xứ đồng Dộc, Mảnh Bách	Đất trồng lúa	Cụm đổi mới	Đất trồng lúa	x		4.22	
2	Đất bố trí công trình dịch vụ du lịch	B4	Xứ đồng Cửa Cầu	Đất trồng lúa	Cụm đổi mới	Đất trồng lúa+ đất ở giãn dân	x		3.12	

3	Đất bố trí công trình dịch vụ quảng bá sản phẩm và văn hoá du lịch	B5	Xứ đồng Sóc Mầu	Đất trồng lúa	Cụm đôi mới	Đất trồng lúa	x		1.39	
4	Đất quảng trường - cây xanh	B6	Xứ đồng Soi Dâu	Đất trồng lúa	Cụm đôi mới	Đất trồng lúa	x		2.36	
5	Đất bố trí công trình dịch vụ công cộng	B7	Xứ đồng Trại Lợn, Sóc Hào	Đất trồng lúa	Cụm đôi mới	Đất trồng lúa	x		2.72	
C Điều chỉnh quy hoạch xây dựng										
1	Đất đấu giá	C1	Xứ đồng Đồng Chùa	Đất trồng lúa	Đất ở mới	Đất ở mới		x	2	
		C2	Xứ đồng Đồng Muôn	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		0.52	
		C3	Xứ đồng Cửa Chùa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		1.05	
		C4	Trạm y tế cũ, HTX và quy tín dụng cũ	Đất công cộng	Đất làng xóm.	Đất giãn dân.	x		0.07	Khu đất đấu giá chuyển đổi từ trạm y tế cũ, diện tích 347m ² . Khu dịch vụ HTX và quỹ tín dụng cũ, quy mô 357m ² .
		C5	Xứ đồng Đồng Làng Nứa, Cánh Buồm	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		0.66	

		C6	Xứ đồng Dộc Dưới	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm	x		1.5	Khu đất đầu giá tại khu Dộc Dưới, chạy từ Luỹ ra mặt đường ven đê sông Đáy.
2	Đất tái định cư	C7	Xứ đồng Đồng Chùa	Đất trồng lúa	Đất ở mới	Đất ở mới		x	0.76	
3	Cây xanh thể dục thể thao	C8	Xứ đồng Mảnh Bách	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất xây trồng cây hàng năm	x		0.42	Khu cây xanh
		C9	Xứ đồng Cửa Chùa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa		x	0.65	Điều chỉnh vị trí khu công viên xã từ vị trí Đồng Muôn đội 4 về vị trí Cửa Chùa do tại vị trí cũ đã có xác định quy hoạch Bệnh viện Mỹ Đức cơ sở 2.
		C10	Xứ đồng Vườn Mèo	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	x		0.21	Sân thể thao

4	Đất công cộng	C11	Xứ đồng Dộc	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất xây trồng cây hàng năm	x		0.6	Trường mầm non
		C12	Xứ đồng Cửa Chùa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Chưa xác định vị trí	x		0.25	Nhà văn hoá xã
		C13	Khu Ao Dài	Đất mặt nước	Ao thôn Đoan Nữ.	Đã xác định vị trí.		x	0.37	Điều chỉnh quy hoạch nhà văn hóa thôn Đoan Nữ về tại khu Ao dài, đổi diện đình thôn Đoan Nữ. San lấp một phần ao Dài thôn Đoan Nữ
		C14	Gần ngã tư đường 419 và đường đi Tuy Lai.	Đất xây dựng chợ và một phần là diện tích ao của nghĩa trang liệt sỹ.	Chợ xã An Mỹ.	Đất xây dựng chợ và một phần là diện tích ao của nghĩa trang liệt sỹ.		x	0.61	Chợ xã
		C15	Xứ Đồng Muôn đội 4	Đất trồng lúa	Bệnh viện Mỹ Đức	Đất trồng lúa		x	3.50	Cập nhật Bệnh viện Mỹ Đức

		C16	Ủy Ban Nhân Dân xã	Trường mầm non thôn Kinh Đào	Trường mầm non thôn Kinh Đào	Trường mầm non thôn Kinh Đào		x	0.48	Điều chỉnh mở rộng quy mô UBND xã lấy thêm diện tích của điểm trường mầm non thôn Kinh Đào
5	Đất du lịch	C16	phía Tây Đường Miếu Môn-Hương Sơn	Đất trồng lúa.	Đất du lịch dự án khu nghỉ dưỡng Tuy Lai, quy mô 62.31ha.	Đất trồng lúa.		x	62.31	Đất du lịch dự án khu nghỉ dưỡng Tuy Lai.
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	C17	Xứ đồng Soi Dâu đội 3	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa+ đất ở gần dân		x	1.01	Bến xe
		C18	Xứ đồng Dộc	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa		x	0.1	Điều chỉnh vị trí trạm bơm tăng áp

5.3.1. Điều chỉnh đất giao thông.

a, Chinh trang, mở rộng mặt cắt

- Chinh trang, mở rộng mặt cắt đường tỉnh lộ 419, đoạn đi qua xã có mặt cắt 18m. Chiếm diện tích: 6,94ha

- Chinh trang, mở rộng mặt cắt tuyến đường nối trung tâm xã đi Tuy Lai có mặt cắt 18m.

- Chinh trang, nâng cấp tuyến đường ven đê sông Đáy, có mặt cắt 17,5m

b, Quy hoạch mới, cập nhật theo QHC huyện Mỹ Đức

- Quy hoạch tuyến TL429B từ Tuy Lai đi huyện Ứng Hòa, đoạn đi qua xã An Mỹ là tại Đồng Hạ đội 3, Quảng Vũ ngoài, có mặt cắt 21m, chiếm diện tích: 3.07ha

- Quy hoạch mới tuyến Miếu Môn – Hương Sơn có mặt cắt 27m, chiếm diện tích 17,85ha

- Quy hoạch mới tuyến đường từ Cụm Đồi mới đi xã Bột Xuyên, có mặt cắt 13.5m, chiếm diện tích: 0,79ha

5.3.2. Điều chỉnh đất đai cho công trình hạ tầng xã hội

a, Cu thể hóa CUM ĐỒI MỚI theo QHC Mỹ Đức tại quyết định số 4465/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND Thành phố Hà Nội

- Cụm đồi mới được xác lập tại khu vực Soi Dâu đội 3, Cửa Cầu đội 3 nằm tại phía Tây đường 419, và các khu Độc đội 3, Mạnh Bách đội 3, Đồng Mái đội 3, Sóc Mẩu đội , Trại Lợn đội 2, Sóc Hào đội 2 nằm về phía Đông đường 419

- Quy mô : 19.8 ha

- Các phân bố đất đai gồm:

+ 03 ô đất tiểu thủ công nghiệp có diện tích: 7.97 ha

+ Đất bố trí cho các công trình dịch vụ du lịch, có diện tích 3.12 ha.

+ Ô đất bố trí các công trình dịch vụ quảng bá sản phẩm địa phương (nông sản, sản phẩm nghề phụ v.v...) có diện tích: 1.39 ha

+ Ô đất bố trí cho các công trình dịch vụ công cộng, có quy mô 2.72 ha

+ Ô đất bố trí quảng trường - cây xanh có diện tích: 2.36 ha

b, Đất giáo dục

- Đối với trường Mầm non:

+ Quy hoạch điểm trường mầm non gần cụm đồi mới tại khu Độc Dưới, diện tích 6000m². Trường mầm non mới phục vụ cho thôn Tảo Khê và thôn Kinh Đào.

+ Nâng cấp và chỉnh trang các điểm trường hiện có tại thôn Đoàn Nữ và thôn Kinh Đào, nâng tổng diện tích trường Mầm non là 0.8 ha đạt chỉ tiêu 17m²/người lớn hơn so với tiêu chuẩn 12m²/trẻ đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia

- Đối với trường Tiểu học: Chinh trang và nâng cấp cơ sở vật chất trên diện tích đất như hiện nay

- Đối với trường THCS: Chinh trang và nâng cấp cơ sở vật chất trên diện tích đất

như hiện nay

- Đối với trường THPT: Chính trang và nâng cấp cơ sở vật chất trên diện tích đất như hiện nay

Tổng diện tích đất cho giáo dục đào tạo là 4,71 ha

c, Cây xanh thể dục thể thao

- Bổ sung quy hoạch mới 1 khu cây xanh tại khu Vườn Mèo (thôn Tảo Khê) có quy mô 0,21 ha.

- Bổ sung quy hoạch mới 1 khu cây xanh cạnh trường mầm non quy hoạch mới có quy mô 0,32ha.

- Điều chỉnh vị trí khu vườn hoa, cây xanh từ vị trí Đồng Muôn đội 4 về vị trí Cửa Chùa do tại vị trí cũ đã có xác định quy hoạch Bệnh viện Mỹ Đức cơ sở 2, quy mô 0,65ha được chuyển đổi từ đất trồng lúa

Các khu cây xanh, sân thể thao khác giữ nguyên tại các khu vực đã xác định theo quy hoạch nông thôn mới đã lập năm 2012

- Tổng diện tích cây xanh, công viên, thể dục thể thao đạt 2.94 ha (đạt 3,4m²/ng)

d, Nhà văn hóa

- Bổ sung đất nhà văn hoá xã diện tích 2.500 m² cạnh khu thể thao và công viên xã. Đây là khu đất đã xác định theo quy hoạch NTM năm 2012

- Điều chỉnh quy hoạch nhà văn hóa thôn Đoan Nữ về tại khu Ao dài, đổi diện tích thôn Đoan Nữ có quy mô 0,37ha. San lấp một phần ao Dài thôn Đoan Nữ

- Chính trang, nâng cấp Nhà văn hóa tại thôn Kinh Đào và thôn Tảo Khê trên quy mô diện tích hiện có

e. Chợ.

- Quy hoạch mở rộng chợ xã An Mỹ, quy mô 0.61 ha. Mở rộng thêm 0,14h vào khu đất nghĩa trang liệt sỹ (đang là ao)

5.3.3. Điều chỉnh đất đấu giá và tái định cư

- Quy hoạch điều chỉnh và bổ sung các khu đất đấu giá và tái định cư có quy mô 6.56ha gồm:

(1) Khu đất tái định cư tại khu Đồng Chùa, quy mô 0,76 ha. Chuyển đổi từ đất giãn dân theo QHNTM năm 2012

(2) Khu đất đấu giá tại khu Đồng Chùa, quy mô 2,00 ha. Chuyển đổi từ đất giãn dân theo QHNTM năm 2012

(3) Khu đất đấu giá tại khu Đồng Muôn, quy mô 0,52 ha. Chuyển đổi từ đất trồng lúa theo QHNTM năm 2012

(4) Khu đất đấu giá tại khu Cửa Chùa, quy mô 1,05 ha. Chuyển đổi từ đất trồng lúa theo QHNTM năm 2012

(5) Khu đất đấu giá chuyển đổi từ trạm y tế cũ, diện tích 347m². Khu dịch vụ HTX và quỹ tín dụng cũ, quy mô 357m².

(6) Khu đất đầu giá tại khu Đồng Làng Nứa, Cánh Buồm bên cạnh Trạm y tế mới, quy mô 0,66ha. Chuyển đổi từ đất trồng lúa theo QHNTM năm 2012

(7) Khu đất đầu giá tại khu Dộc Dưới, chạy từ Luỹ ra mặt đường ven đê sông Đáy có quy mô 1,5ha. Được mở rộng từ đất giãn dân đã quy hoạch và chuyển đổi một phần đất trồng cây lâu năm.

5.3.4. Điều chỉnh đất sản xuất

- Dự kiến Chuyển đổi 62.31 ha đất dành mục đích nông nghiệp cho thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng Tuy Lai, tại phía Tây tuyến giao thông Miếu Môn- Hương Sơn

- Dự kiến chuyển đổi 76.09 ha đất dành mục đích nông nghiệp cho thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái tổng hợp Hồ Quan Sơn, tại phía Tây tuyến giao thông Miếu Môn- Hương Sơn

- Chuyển đổi từ đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng các cây hàng năm khác (rau, hoa, dược liệu...) tại khu Hòn Đá, Đồng Giò, Thượng Làng Trên, Đạc 5,6,7,8, thôn Tảo Khê., diện tích 18.25 ha.

- Chuyển đổi có kế hoạch đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm tại các khu vực Đồng Láng Nứa, Cánh Buồm, khu Đồi, Áng Cống, Hoi Đồi thuộc thôn Đoan Nữ; Gò Để, Mái Dưới thôn Kinh Đào; Đạc 1,2,3,4, Vườn Mèo, Cửa Đình, Gốc Găng, Dộc trên, Dộc dưới thôn Tảo Khê do những khu vực này nằm liền cận với khu dân cư và bị chia cắt phân tán không mang lại hiệu quả sản xuất cao.

- Chuyển đổi đất dự kiến xây dựng nhà văn hoá thôn Đoan Nữ theo quy hoạch năm 2012 sang đất trồng cây lâu năm, diện tích 3600m².

- Chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản tại khu vực Hoi Đồi thôn Đoan Nữ do cấy lúa kém hiệu quả (0,95 ha).

- Các khu vực đất nông nghiệp khác được cập nhật và tuân thủ theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm của xã

VI. QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT



Hình 14: Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật xã An Mỹ

6.1. Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã. Xác định khu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất:

*** Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã:**

+ Đất giao thông: Hoàn thiện và cải tạo các tuyến đường đã có theo đúng cấp đường, mở rộng thêm một số tuyến đường mới tạo thành mạng lưới đường bộ; Tu bổ các tuyến đường xuống cấp, mở rộng các tuyến đường trong khu dân cư còn hẹp, đảm bảo cho công tác đi lại và vận chuyển cho nhân dân trong tương lai; Mở rộng, bê tông hóa các tuyến đường nội đồng để đảm bảo cho quá trình vận chuyển, sản xuất cho ngành nông nghiệp.

+ Đất thủy lợi: Nâng cấp và kiên cố hóa kênh, mương hiện có, chủ động tưới tiêu cho diện tích sản xuất nông nghiệp, đảm bảo cho hệ thống thủy lợi được liên hoàn, cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước trong khu dân cư nông thôn, đảm bảo các cống, rãnh không bị tắc, nghẽn; Phát triển các công trình cấp nước tiên tiến phục vụ và phát

triển các cây hoa màu, cây ăn quả, ... ở các vùng tập trung.

+ Đất năng lượng: Cải tạo, nâng cấp các hệ thống đường dây điện và mở rộng, xây dựng mới 1 số trạm biến áp của xã phục vụ, cung cấp điện đủ dùng và an toàn cho sản xuất, tiêu dùng sinh hoạt đời sống của nhân dân.

+ Đất xử lý rác thải: Để bảo vệ môi trường sinh thái nói chung cũng như môi trường sống nói riêng cần bố trí các khu bãi thải và xây dựng khu, trạm xử lý rác thải, nước thải và kiểm soát vấn đề gây ô nhiễm, đặc biệt là khi quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa ngày càng phát triển thì lượng rác thải, chất thải ngày càng nhiều. Vì vậy, đi cùng với xây dựng, phát triển nền kinh tế-xã hội thì cần quan tâm tới vấn đề môi trường an toàn, không ô nhiễm. Cần bố trí diện tích đất và khu vực hợp lý, tránh xa khu dân cư, nguồn nước, bảo đảm cho cuộc sống của nhân dân không bị ô nhiễm.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Việc bố trí nghĩa trang, nghĩa địa phải đảm bảo cảnh quan và vệ sinh môi trường, địa điểm bố trí cách xa khu dân cư, không ảnh hưởng đến vệ sinh nguồn nước, phù hợp với phong tục tập quán của nhân dân trong xã. Cần tính toán quỹ đất đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo dân số dự báo trong thời hạn quy hoạch.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Đất sông và mặt nước chuyên dùng là đất có mặt nước mà không sử dụng chuyên vào mục đích nuôi trồng thủy sản. Đây cũng là nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Vì vậy, cần đảm bảo nguồn nước sạch, không bị ô nhiễm để phục vụ cho đời sống của nhân dân, đảm bảo vệ sinh và an toàn.

6.2. Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật:

6.2.1. Quy hoạch giao thông:

* Cơ sở thiết kế:

+ Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quy hoạch GTVT Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quy hoạch chung xây dựng Huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại quyết định số 4465/QĐ UBND ngày 27/08/2014.

+ Tôn trọng mạng lưới giao thông hiện trạng.

+ Các quy chuẩn tiêu chuẩn ban hành.

* Dự án của thành phố và huyện trên địa bàn xã:

- Trong quy hoạch phát triển giao thông của TP Hà Nội cũng như quy hoạch phát triển giao thông của huyện Mỹ Đức có định hướng xây dựng tuyến đường Miếu Môn –

Hương Sơn. Tuyến đường có bề rộng mặt cắt ngang là 27m, hành lang an toàn mỗi bên 20m.

- Quy hoạch tuyến TL429B từ Tuy Lai đi huyện Ứng Hoà, đoạn đi qua xã An Mỹ là tại Đồng Hạ đội 3, Quảng Vũ. Đường 4 làn xe, mặt cắt 20.5 m, hành lang an toàn mỗi bên 15m.

+ Hệ thống giao thông của xã An Mỹ cần được ưu tiên cải tạo, nâng cấp để có thể phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu giao lưu trong tương lai. Hệ thống đường của địa phương cần đảm bảo các nhiệm vụ sau:

- Đảm bảo đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải trong các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hiện nay và trong tương lai.

- Hỗ trợ phát triển mạng lưới giao thông liên huyện, liên xã, trong thôn xóm, giao thông nội đồng để đáp ứng được nhu cầu sản xuất của nhân dân.

- Đảm bảo đường ô tô đến hộ dân cư xa nhất nhỏ hơn 100m.

+ Đường tỉnh lộ 419:

Là tuyến đường đi qua xã An Mỹ, phía Bắc là hướng đi xã Mỹ Thành, phía Nam là hướng đi xã Hồng Sơn, xã Lê Thanh. Tuyến tỉnh lộ 419 là tuyến rất quan trọng trong sự phát triển về kinh tế xã hội và sự lưu thông với các xã lân cận. Khi đi qua khu dân cư Mặt cắt đường 18m; ngoài khu dân cư mặt cắt đường 21m, hành lang an toàn mỗi bên 15m.

+ Đường trục huyện:

- Đường Ven sông Đáy: Tuyến đường đi qua xã có tổng chiều dài là 4127m bao gồm 2380m đường bê tông nhựa và 1747m mặt đường bê tông xi măng đã xuống cấp. Đề suất quy hoạch xây dựng tuyến đường với bề rộng mặt là 7,5m. Hành lang an toàn mỗi bên là 5m.

Hiện nay phần lớn các hộ dân nằm ven tuyến đê nằm trong hành lang an toàn bảo vệ đê.

+ Đường trục liên xã:

- Mở rộng mặt cắt tuyến đường nối trung tâm xã An Mỹ đi xã Tuy Lai có mặt cắt ngang theo chỉ giới đường đỏ là 18m, trong đó mặt đường 9,0m khi trong khu dân cư; ngoài khu dân cư mặt cắt đường 18m, hành lang an toàn mỗi bên 4m.

+ Đường trục thôn:

Quy hoạch đường trục thôn có tổng mặt cắt ngang là 13.50m, trong đó mặt đường 7.5m. Hành lang an toàn mỗi bên là 3m. Đường trục thôn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc lưu thông trong thôn.

- Đường ngõ xóm: Mặt đường ngõ xóm rộng 2,5-5m. Quy hoạch mặt cắt ngang tối thiểu 5m đối với các tuyến đường quy hoạch mới.

- Đường nội đồng: Trục chính nội đồng cần cứng hóa toàn bộ để đảm bảo phát triển sản xuất.

- Bến xe: Điều chỉnh quy hoạch tại xứ đồng Cửa Cầu sang vị trí xứ đồng Soi Dâu, diện tích 10.100m².

6.2.2. Chuẩn bị kỹ thuật

+ Cơ sở thiết kế:

- Quy hoạch chung xây dựng Huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại quyết định số 4465/QĐ UBND ngày 27/08/2014.

- Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/5000

- Các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành.

- Công tác khảo sát thực địa và các số liệu điều tra thu thập được từ cơ sở.

+ Nguyên tắc thiết kế:

Đây là đồ án thiết kế điểm hình cho nông thôn mới. Do vậy sẽ xây dựng đúng theo tiêu chí quốc gia về mô hình nông thôn mới:

- Thiết kế san nền đảm bảo không bị lầy lội vào mùa mưa.

- Căn cứ giải pháp phù hợp với thực tế địa phương. Kết hợp tốt giữa thoát nước theo mạng và thoát nước tự thấm tại chỗ.

- Tôn trọng hiện trạng và địa hình tự nhiên, giữ gìn bảo vệ lớp đất màu và cảnh quan hiện có.

- Khối lượng đào đắp ít nhất, cân bằng được khối lượng đào, đắp tại chỗ.

- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng thấp nhất.

+ Giải pháp thiết kế San nền.

- Các công trình dự kiến xây mới phần lớn đều xây dựng tại vị trí trồng cây nông nghiệp, khá trũng. Cao độ xây dựng không chế tối thiểu cho từng công trình phụ thuộc vào từng vị trí song phải đảm bảo: Không ngập úng và cân bằng với nền địa hình xung quanh.

- Các khu vực dự kiến xây mới trên nền ruộng, cao độ xây dựng không chế \geq cốt ruộng cộng thêm 1,0-1,2m

Nạo vét, cải tạo mặt cắt các kênh chính của xã

6.2.3. Cấp nước

+ Cơ sở thiết kế:

- Quy hoạch chung xây dựng Huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại quyết định số 4465/QĐ UBND ngày 27/08/2014.

- Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/5000

- Các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành.

- Công tác khảo sát thực địa và các số liệu điều tra thu thập được từ cơ sở.

+ Mục tiêu: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch đảm bảo cung cấp nước sạch cho 90% trở lên nhu cầu sử dụng nước sạch của xã.

Hiện tại xã An Mỹ và 1 số xã xung quanh chưa có hệ thống cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn. Người dân chủ yếu dùng nước mưa và nước giếng khoan để sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên nguồn nước này đang tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm. Nhằm đáp ứng nhu cầu về nước sạch của người dân và từng bước nâng cao đời sống dân nông thôn, tạo đà cho công cuộc CNH - HĐH nông thôn phát triển thì việc xây dựng hệ thống cấp nước sạch liên xã tại khu vực là điều thật sự cần thiết.

+ Các nguồn tiêu thụ:

- Nước sinh hoạt của dân cư.

- Nước phục vụ cho các hoạt động công cộng.

- Nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở đó, sau khi đã tìm hiểu hiện trạng, cân nhắc kỹ chúng tôi đã đưa ra phương án xây dựng hệ thống cấp nước sạch tại xã.

+ Tiêu chuẩn thiết kế:

- Căn cứ vào TCXDVN 33: 2006 "Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế".

- Căn cứ tiêu chuẩn quy hoạch cấp nước: QCXDVN 01: 2008BXD "Quy hoạch cấp nước".

- Các chỉ tiêu cấp nước:

Tiêu chuẩn dùng nước: Đến năm 2020 là 100 lít/người/ngày đêm.

Đến năm 2030 là 120 lít/ người/ngày đêm.

Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch 90% trở lên.

Các công trình công cộng xác định theo quy mô, tính chất của các công trình và quy chuẩn quy phạm.

+ Nguồn cung cấp nước:

- Thực hiện theo chủ trương của UBND thành phố Hà Nội tại Quyết định số 3845/ QĐ-UBND ngày 24/6/2017 về việc triển khai đầu tư dự án cấp nước sạch cho các huyện Thanh Oai, Thường Tín, Mỹ Đức, Phú Xuyên. Dự án nước sạch trên địa bàn huyện Mỹ Đức sẽ do Liên danh Công ty CP nước Aqua One và Công ty CP nước mặt sông Đuống làm chủ đầu tư, trực tiếp cung cấp nước sạch cho từng hộ dân.

- Không quy hoạch trạm tăng áp quy hoạch tại xứ đồng Sóc Mầu (diện tích nằm trong quy hoạch cụm đổi mới). Bổ sung quy hoạch trạm tăng áp tại xứ đồng Mãng Bách, diện tích 1.000m².

+ Xác định nhu cầu sử dụng:

- Nước sinh hoạt 100lit/người/ngđ (năm 2020), 120lit/người/ngđ (năm 2030).

- Nước dịch vụ sản xuất lấy bằng 25% nước sinh hoạt.

- Nước dùng cho công trình công cộng lấy bằng 20% nước sinh hoạt.

- Nước phòng rò rỉ đường ống lấy bằng 15% nước sinh hoạt.

- Lưu lượng ngày dùng nước lớn nhất cho sinh hoạt được xác định:

$$Q_{SH}^{\max} = K_{ngd}^{\max} \cdot \frac{q \cdot N}{1000} (m^3 / ng)$$

Trong đó:

Q_{SH}^{\max} : lưu lượng nước trong ngày dùng nước lớn nhất (m³/ng).

K_{ngd}^{\max} : hệ số dùng nước không điều hòa trong ngày dùng nước lớn nhất, theo

TCXDVN 33: 2006, lấy $K_{ngd}^{\max} = 1,3$.

q: tiêu chuẩn dùng nước (l/ng - ng).

N: tổng dân số được dùng nước (người).

- Nước dịch vụ sản xuất lấy bằng 25% nước sinh hoạt.

- Nước dùng cho công trình công cộng lấy bằng 20% nước sinh hoạt.

- Nước phòng rò rỉ đường ống lấy bằng 15% nước sinh hoạt.

+ Định hướng mạng lưới cấp nước:

- Nước sạch sau lấy từ nhà máy nước mặt sông Đuống được vận chuyển theo đường ống đưa về trạm tăng áp tại Dộc. Các đường ống nhánh nối với đường ống chính đến từng hộ gia đình.

- Mạng lưới đường ống cấp nước chính của xã được thiết kế là ống thép tráng kẽm nhằm nâng cao tuổi thọ của toàn mạng và có khả năng truyền tải lớn

- Hệ thống đường ống cấp nước được thiết kế mạng đường ống cắt, với các đường ống chính của từng khu vực sẽ đi ngầm dưới vỉa hè, với tiết diện đường ống D50 – D160. Mỗi cụm dân cư nhỏ sử dụng chung một đường ống nhánh với tiết diện D50. Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế sử dụng chung mạng với đường ống cấp nước sinh hoạt. Hạng cứu hỏa được đặt cách nhau trung bình 150m tại khu vực trung tâm, cách mép vỉa hè không quá 2,5m.

6.2.4. Cấp điện

+ Cơ sở thiết kế:

- Quy hoạch chung xây dựng Huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại quyết định số 4465/QĐ

UBND ngày 27/08/2014.

- Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/5000

- Các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành.

- Công tác khảo sát thực địa và các số liệu điều tra thu thập được từ cơ sở.

+ Mục tiêu: Xây dựng hệ thống cấp điện theo yêu cầu an toàn của ngành điện, đảm bảo 100% được cấp điện thường xuyên và an toàn từ lưới điện quốc gia.

+ Dự báo phụ tải điện: Chỉ tiêu được lấy theo tiêu chuẩn QHXD 01/2008 BXD, công văn Số:11/SXD-QH về việc hướng dẫn quy hoạch nông thôn mới. Phụ tải cấp điện gồm:

- Phụ tải điện sinh hoạt tính đến năm 2015: 150 W/người.

- Phụ tải điện sinh hoạt tính đến năm 2020 lấy bằng 70% nhu cầu dùng điện của đô thị loại V: $330 \times 70\% = 230$ W/người.

- Phụ tải điện cấp cho các công trình công cộng lấy bằng 20% điện sinh hoạt.

- Phụ tải cụm công nghiệp nhỏ, tiểu công nghiệp 140(kW/ha).

- Tổn thất dự phòng là 10%.

Công suất cấp điện cho sinh hoạt: $Stt1 = \frac{S_{ng} \times K_{sd} \times K_{dt} \times P_0}{\cos \varphi}$,

Trong đó:

Sng: Dân số tính toán.

Ksd: Hệ số sử dụng công suất lấy bằng 0.8.

Kdt: Hệ số đồng thời lấy bằng 0.85.

P0: Công suất tiêu chuẩn.

$\cos \varphi$: 0.8

Tổng công suất đặt của các trạm biến áp phân phối cho xã An Mỹ là:

Stt1= 2044KVA

+ Định hướng cấp điện :

- Trạm biến áp lưới trung áp: Theo quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kv cấp điện cho huyện Mỹ Đức:

Các trạm biến áp phục vụ cho công tác bơm tưới tiêu và các trạm biến áp phục vụ cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp (công ty cổ phần thêu may Mỹ Đức) giữ nguyên theo hiện trạng.

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 2 từ 100KVA lên 250KVA giai đoạn từ nay đến năm 2025

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 3 từ 180KVA lên 400KVA giai đoạn năm 2018 – 2020 và lên 560KVA giai đoạn năm 2021 - 2025

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 4 từ 320KVA lên 560KVA giai đoạn từ nay đến năm 2025

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 5 từ 180KVA lên 560KVA giai đoạn từ nay đến năm 2025

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 6 từ 320KVA lên 560KVA giai đoạn từ nay đến năm 2025

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 7 từ 180KVA lên 560KVA giai đoạn từ nay đến năm 2025

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 8 từ 180KVA lên 560KVA giai đoạn từ nay đến năm 2025

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 400KVA giai đoạn từ nay đến năm 2025

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 9 từ 180KVA lên 400KVA giai đoạn từ nay đến năm 2025

Nâng cấp và cải tạo Trạm biến áp An Mỹ 10 từ 180KVA lên 4000KVA giai đoạn từ nay đến năm 2025

Xây mới trạm biến áp TTTM tại khu đất công cộng khu đổi mới với công suất 2x750KVA

Xây mới trạm biến áp tại khu vực Nuôi trồng thủy sản và Khu chăn nuôi tập trung với công suất là 250KVA và 180KVA giai đoạn đến năm 2025

Xây mới trạm biến áp An Mỹ 11, An Mỹ 12, với công suất 400KVA giai đoạn từ năm 2021-2025.

- Lưới điện 0,4kV:

Lưới hạ áp 0,4kv hiện có của xã khá hoàn thiện nên vẫn giữ nguyên để cung cấp điện cho các phụ tải sinh hoạt của xã .

Mạng lưới 0,4KV xây dựng mới bố trí đi nổi. Lưới 0,4 kV tổ chức theo mạng hình tia dùng cáp vặn xoắn ABC.

- Đường trục: giữ nguyên mạng lưới cung cấp 0,4KV, Xây dựng thêm khoảng 3km đường dây 0,4KV cho tuyến đường trục chính xã phù hợp với quy hoạch đưa ra. Sử dụng cột BTLT 8,5m, và 10m, dây dẫn dùng dây ABC (4x70) đến dây ABC (4x120). Các tuyến đường dây 0,4KV trục chính không dài quá 500m

- Đường nhánh: Dùng dây ABC (4x35) đến dây ABC (4x70). Sử dụng cột H-8,5 và cột cũ tận dụng từ đường trục 0,4 kV hiện có.

Lưới chiếu sáng: Hiện tại trong toàn xã có 2 mạng lưới chiếu sáng trên đường tỉnh lộ 419 đi qua xã và 3km trên đường trục chính của xã.

Các trục đường liên thôn tuyến chiếu sáng bố trí đi chung cột với tuyến điện hạ thế 0,4kv cấp điện cho sinh .Chiếu sáng bằng đèn thủy ngân cao áp 250w-220v

Đối với các đường ngõ xóm chiếu sáng bằng bóng đèn Com Pắc .

Toàn bộ mạng lưới chiếu sáng đi nổi dùng dây ABC(4x10)-ABC(4x16)

6.2.5. Thoát nước và vệ sinh môi trường

+ Cơ sở thiết kế:

- Quy hoạch chung xây dựng Huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại quyết định số 4465/QĐ UBND ngày 27/08/2014.

- Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/5000

- Các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành.

- Công tác khảo sát thực địa và các số liệu điều tra thu thập được từ cơ sở.

+ Mục tiêu: Đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn theo hướng xanh, sạch, đẹp.

Đáp ứng các yêu cầu vệ sinh môi trường.

+ Thoát nước:

- Các nguồn nước thải:

Sinh hoạt của khu dân cư.

Hoạt động công cộng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thoát nước mưa.

+ Cơ sở thiết kế:

- Căn cứ tiêu chuẩn quy hoạch: QCVN 01: 2008BXD “Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, quy hoạch thoát nước thải”.

- Lượng nước thải bằng khoảng 80% lượng cấp nước.

+ Định hướng hệ thống thoát nước:

- Trong giai đoạn đến năm 2020 toàn xã sẽ sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các công trình công cộng (sau khi được xử lý cục bộ tại chỗ bằng các bể tự hoại) được dẫn chung với nước mưa trong cùng một hệ thống cống, mương đặt trong các ngõ, xóm rồi đổ ra kênh tiêu thoát nước nông nghiệp. Bố trí hệ thống xử lý rác thải sơ bộ tại mỗi cửa xã. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Nước thải sinh hoạt thoát theo hệ thống rãnh dọc đường theo đường giao thông, xây dựng các đường ống dẫn nước tới các khu xử lý nước thải sau đó sẽ được thải ra sông Đáy.

- Quy hoạch 05 khu xử lý nước thải:

+ Thôn Tảo Khê: Điểm Vườn Mèo 0,2ha và điểm ven kênh chính tiêu thoát nước cho thôn 0,1ha.

+ Thôn Kênh Đào: Điểm tại xứ đồng Huy Văn 0,2ha.

+ Thôn Đoan Nữ đặt 2 điểm: 1 điểm cuối thôn Đoan Nữ, 1 điểm giáp Máng 7, diện tích mỗi điểm 0,2ha.

- Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với các hộ gia đình có tổ chức chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas. Khuyến khích các hộ chăn nuôi dùng bể bioga để tạo khí đốt dùng phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại. Chất thải sau bể Biogas được sử dụng trong trồng trọt.

- Đối với nước thải các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại khu vực phía Bắc xã, tương lai sẽ xây dựng trạm xử lý nước thải An Mỹ có công suất 500m³/ngđ.

+ Tính toán hệ thống cống chính:

Áp dụng công thức: $Q=q.F.\psi.\alpha$ (l/s)

Q: Lưu lượng chảy qua cống (l/s)

q: Cường độ mưa tính toán tra biểu đồ mưa khu vực Hà Nội do viện Kiến Trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn lập: (l/s/ha).

ψ : Hệ số dòng chảy phụ thuộc vào mặt phủ lấy trung bình = 0,5-0,6.

F: diện tích lưu vực (ha).

α : Hệ số mưa rào lấy bằng 1,25 diện tích lưu vực $F_{lv} > 200$ ha. Chọn chu kỳ tràn cống các trục đường chính, khu công nghiệp $p=1$, đối với tiểu khu $p=0,5-0,6$.

+ Vệ sinh môi trường:

- Rác thải chủ yếu ở những nguồn sau: Rác thải sinh hoạt từ những hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Rác thải từ hoạt động công cộng. Rác thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hệ thống thu gom xử lý rác thải:

Giai đoạn (2015-2020): 0,5 kg/người,ngày; chỉ tiêu thu gom 70%.

Giai đoạn (2020-2030) 0,7 kg/người,ngày; chỉ tiêu thu gom 80%.

Các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các xóm được bố trí trong bán kính không quá 100m, trang bị 20 thùng đựng rác thải loại 0,5 m³ và xe đẩy tay cho các xóm để thu gom và vận chuyển rác thải từ các điểm tập kết đến điểm trung chuyển.

Toàn xã trang bị các xe đẩy tay thu gom và vận chuyển rác thải tập trung vào bãi rác trung chuyển.

Vị trí bãi rác trung chuyển được quy hoạch ở 3 điểm: điểm thôn Tảo Khê ven đê Đáy tại xứ đồng Đạc 7,8 quy mô 0.23 ha, điểm thôn Kinh Đào tại khu Đồng Gò Đé quy mô 0.48 ha, điểm thôn Đoan Nữ tại khu Đồng Duối quy mô 0.63 ha.

Quy hoạch điểm tập kết chất thải rắn xây dựng: Quy hoạch tại ngã 3 Áng Cống (phía sông Đáy), Tổng diện tích 3.000m² (trong đó mở rộng thêm diện tích 2.700m²).

- Nhà vệ sinh nông thôn:

Đối với các nơi công cộng, xây dựng nhà vệ sinh công cộng, tự hoại.

Đối với nhà trong thôn xóm dành đất xây dựng nhà tắm, nhà vệ sinh tự hoại, hố xí hai ngăn theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

VII. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

7.1 Phần mở đầu

7.1.1. Phạm vi và nội dung nghiên cứu, phân tích, đánh giá môi trường chiến lược

a. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian:

+ Không gian gián tiếp: Nghiên cứu vai trò của xã An Mỹ đối với các xã lân cận, mối quan hệ tổng hợp của xã An Mỹ với huyện Mỹ Đức và thành phố Hà Nội.

+ Không gian trực tiếp: Khu vực nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã An Mỹ huyện Mỹ Đức thành phố Hà Nội

- Phạm vi thời gian: quy hoạch chung xây dựng xã An Mỹ tới năm 2030.

b. Nội dung nghiên cứu

- Xác định các vấn đề môi trường chính, bức xúc trong và ngoài phạm vi nghiên cứu bao gồm: lựa chọn đất xây dựng trong mối liên hệ với phòng tránh thiên tai và giảm thiểu úng ngập, lũ lụt; môi trường giao thông, xây dựng và mỹ quan; tình trạng ô nhiễm không khí, tiếng ồn; ô nhiễm sông hồ và nước ngầm; áp lực về quản lý chất thải rắn; nước thải, thoát nước; bảo vệ di sản, các hệ sinh thái...

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm có ảnh hưởng trực tiếp (các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, trạm y tế, khu xử lý chất thải...); các khu vực ô nhiễm; mức độ, hậu quả ô nhiễm môi trường. Đánh giá hệ sinh thái, môi trường làng nghề, môi trường sản xuất nông nghiệp

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường do hoạt động từ các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, trung tâm thương mại dịch vụ, trạm y tế, giao thông, xử lý chất thải trên cơ sở định hướng phát triển không gian, cấu trúc điểm dân cư, lựa chọn đất xây dựng, mật độ dân số và phân vùng chức năng.

- Tổng hợp, đề xuất, xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (các không gian xanh, hành lang bảo vệ sông hồ, các khu vực hạn chế phát triển...).

7.1.2. Cơ sở pháp lý và phương pháp thực hiện ĐMC

a. Các cơ sở pháp lý

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 23/06/2014.

Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003.

Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về Quy hoạch

Xây dựng .

Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành của Nhà nước Việt Nam:

+ TCVN 6772-2000: Chất lượng nước, nước thải sinh hoạt, giới hạn ô nhiễm cho phép.

+ TCVN 5938-1995: Chất lượng không khí, nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ TCVN 5949-1998: Âm học, tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư, mức ồn tối đa cho phép.

+ TCVN 6696-2000: Chất thải rắn, bãi chôn lấp hợp vệ sinh, yêu cầu chung về bảo vệ môi trường.

+ TCVN 6962-2001: Rung động do các hoạt động xây dựng và sản xuất công nghiệp- Mức tối đa cho phép đối với môi trường khu công cộng và khu dân cư.

b. Phương pháp thực hiện

Phương pháp khảo sát thực địa: Là phương pháp cơ bản, phổ biến để tiếp cận thực tế, thu thập tài liệu hiện trạng làm cơ sở cho việc đánh giá và đưa ra các giải pháp kiến nghị một cách khoa học và hợp lý. Quá trình khảo sát thực địa tiến hành trong giai đoạn năm 2017 trong đó chủ yếu khảo sát các khu vực dân cư trong khu vực nghiên cứu quy hoạch.

Phương pháp thu thập thông tin: Thu thập thông tin từ các nguồn như Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng,...nhằm có được những số liệu cụ thể về quy hoạch, kiến trúc, các định hướng phát triển liên quan tới khu vực nghiên cứu.

Phương pháp chuyên gia: Lấy ý kiến của các chuyên gia trong và ngoài nước qua các cuộc hội thảo, báo cáo tiến độ... trong việc đánh giá thực trạng môi trường khu vực dự án và những tác động tích cực và tiêu cực của dự án đến môi trường sau khi dự án được hình thành.

Phương pháp xử lý thông tin, phân tích và tổng hợp: thu thập thông tin từ các nguồn, từ đó phân tích và tổng hợp để đưa ra các đề xuất có thể áp dụng và mở rộng.

Phương pháp đối chiếu so sánh: đối chiếu thực trạng, nhu cầu và những đề xuất

7.2. Các vấn đề và mục tiêu môi trường chính liên quan đến quy hoạch xây dựng

7.2.1. Các vấn đề môi trường chính

Điều kiện kinh tế, xã hội.

Điều kiện khí hậu, địa chất, thủy văn, hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

Tình hình úng ngập và lũ lụt.

Sử dụng tài nguyên như nước ngầm, đất nông nghiệp và lâm nghiệp, tài nguyên khoáng sản....

Chất lượng môi trường đất, nước, không khí và tiếng ồn.

Quản lý chất thải (nước thải, Chất thải rắn và khí thải)

Hệ thống cây xanh và vệ sinh môi trường.

7.2.2. Mục tiêu môi trường

Đánh giá sơ bộ tác động môi trường trong giai đoạn lập quy hoạch xây dựng sẽ khái quát hoá các tác động qua lại giữa môi trường với đồ án quy hoạch, giúp cho các nhà quản lý và chủ đầu tư có cái nhìn tổng quát hơn về ảnh hưởng đến môi trường của dự án.

Phân tích, đánh giá sơ bộ hiện trạng môi trường. Dự báo các nguồn gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến môi trường và những tác động xấu có thể xảy ra do các hoạt động được trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng. Đồng thời đưa ra các biện pháp giảm thiểu các tác động đến môi trường.

Kiến nghị các chính sách, biện pháp hợp lý để bảo vệ môi trường, phòng ngừa hoặc xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo cho khu đô thị phát triển ổn định và bền vững.

Phân tích, đánh giá hiện trạng và diễn biến môi trường khi không thực hiện quy hoạch xây dựng

7.2.3. Xác định nguồn gây tác động gây ảnh hưởng đến môi trường khi quy hoạch:

- Các tác động do phát triển trung tâm:

+ Trung tâm được phân làm 02 cấp trung tâm: trung tâm xã và các trung tâm đơn vị ở cấp thôn.

Trung tâm xã bao gồm các công trình đảm nhiệm chức năng hành chính-chính trị, y tế, văn hóa, giáo dục, thương mại dịch vụ. Trung tâm xã bao gồm các công trình đảm nhiệm các chức năng được tập trung thành bốn điểm bao gồm 02 trung tâm tổng hợp (quy hoạch xây dựng mới) và 02 trung tâm giáo dục (phát triển mở rộng từ các điểm trường hiện trạng) trong tổng thể xã đảm bảo bán kính phục vụ cho dân cư.

Trung tâm đơn vị ở cấp thôn gồm các công trình tín ngưỡng (Đình, Đền, Chùa) hiện trạng tại các thôn; Cụm công trình nhà văn hóa, sân thể thao thôn được quy hoạch xây dựng tại khu vực trung tâm từng thôn.

Các công trình thuộc trung tâm (cả 02 cấp) được xác định cụ thể vị trí và quy mô trong đồ án điều chỉnh quy hoạch chung sẽ khai thác tài nguyên đất để xây dựng, trong đó phần lớn là sử dụng quỹ đất chuyển đổi từ đất canh tác, điều này sẽ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã tuy nhiên không bị ảnh hưởng ô nhiễm môi

trường, lại tận dụng được cảnh quan đẹp. Các công trình thương mại dịch vụ bố trí tại các đầu mối giao thông thuận lợi tiếp cận đồng thời hạn chế giao thông đi vào các điểm dân cư giảm ảnh hưởng ô nhiễm môi trường.

+ Đất cây xanh bao gồm: sân thể thao cấp xã gắn với nhà văn hóa xã tại trung tâm xã, sân thể thao các thôn gắn với nhà văn hóa các thôn, ngoài ra quanh các công trình tôn giáo tín ngưỡng thôn, tại những vị trí còn quỹ đất quy hoạch đất cây xanh nhằm bảo vệ các công trình đồng thời tạo cảnh quan cho công trình. Các điểm cây xanh khai thác các yếu tố tự nhiên làm nên không gian mở gắn kết các yếu tố xây dựng và tự nhiên thành mối quan hệ hữu cơ, tận dụng được điều kiện tự nhiên vốn có, điều hòa vi khí hậu cho các điểm dân cư thôn và tổng thể không gian xã.

+ Các điểm dân cư: tiếp tục phát triển thành từng cụm trên cơ sở các điểm dân cư hiện trạng giảm thiểu chi phí cho xây dựng hạ tầng, tận dụng khai thác tài nguyên đất, đồng thời giải quyết tốt nhất các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình vận hành đô thị.

+ Đất sản xuất: đất sản xuất được chia thành từng vùng trên cơ sở hiện trạng đất canh tác. Đất sản xuất chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và định hướng phát triển nông nghiệp sạch, năng suất cao vì vậy không ảnh hưởng xấu đến môi trường, còn tạo nên cảnh quan tổng thể đặc trưng điểm dân cư nông thôn đồng bằng bắc bộ Việt Nam. Ngoài ra, trong quy hoạch có định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp thành 02 cụm thuận lợi tiếp cận giao thông và cách ly tương đối điểm dân cư bởi đất canh tác nên không gây ảnh hưởng nhiều đến môi trường, cần nghiên cứu xử lý nước thải, chất thải.

- Các tác động do phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Các định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng đã giải quyết được nhiều vấn đề môi trường đang tồn tại và những tác động mới phát sinh trong quá trình phát triển, cụ thể như sau:

+ Mở rộng cải tạo trục giao thông chính và hình thành trục giao thông thứ cấp toàn xã đã giải quyết cơ bản vấn đề môi trường giao thông.

+ Khai thác nguồn nước cấp hợp lý đảm bảo vệ sinh môi trường

+ Định hướng thoát nước mưa đã giảm thiểu hiện tượng ngập lụt gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cuộc sống của cư dân.

- Tuy nhiên, một số tác động tiêu cực không tránh khỏi khi xây dựng hệ thống hạ tầng, bao gồm:

+ Việc phát triển giao thông không tránh khỏi những vấn đề ô nhiễm do gia tăng giao thông gây nên, vì vậy trong quá trình nghiên cứu mạng lưới giao thông cần thiết lập một mạng lưới khoa học, hợp lý giảm thiểu tai nạn giao thông, ngoài ra, cần nghiên cứu bổ sung hệ thống cây xanh để giảm thiểu ô nhiễm khí thải, tiếng ồn tạo nên môi trường xanh, sạch cho đô thị.

- Tóm tắt các nguồn gây tác động:

TT	Nguồn gây tác động	Yếu tố tác động
1	Các nguồn đang hoạt động: đô thị, hoạt động nông nghiệp.	- Khí thải giao thông đô thị. - Nước thải sinh hoạt, nông nghiệp (tưới tiêu). - Chất thải sinh hoạt, chất thải nông nghiệp. - Khói, bụi, mùi. - Bệnh tật.
2	Phát triển trung tâm, khu dân cư	- Khí thải giao thông, bụi xây dựng. - Nước thải sinh hoạt, dịch vụ, y tế. - Chất thải rắn sinh hoạt, y tế. - Tác động đến hệ sinh thái bản địa. - Thay đổi mục đích sử dụng đất. - Thay đổi cảnh quan. - Thay đổi cơ cấu việc làm, văn hoá, giáo dục. - Bệnh tật
3	Chuyển đổi mục đích sử dụng	- Thay đổi hệ sinh thái - Thay đổi các yếu tố vi khí hậu - Phá huỷ kết cấu đất - Thay đổi cơ cấu việc làm
4	Tác động tích lũy	- Khí thải - Nước thải - Chất thải rắn - Thay đổi các yếu tố vi khí hậu - Phá huỷ hệ sinh thái - Phá huỷ kết cấu đất - Thay đổi cơ cấu việc làm - Thay đổi nền tảng văn hoá, giáo dục, nếp sống - Thay đổi cơ cấu bệnh tật

- Xác định đối tượng và quy mô chịu tác động:

Dự kiến đối tượng và quy mô chịu tác động môi trường từ quy hoạch chung xây dựng xã An Mỹ:

TT	Đối tượng chịu tác động	Quy mô tác động					
		Giai đoạn xây dựng			Giai đoạn hoạt động		
		Mức độ	Phạm vi	Thời gian	Mức độ	Phạm vi	Thời gian
	Các yếu tố vi khí hậu	-	Cục bộ	Ngắn	--	Cục bộ	Ngắn
	Chế độ thủy văn	--	Cục bộ	Ngắn	---	Rộng	Dài
	Môi trường không khí	----	Cục bộ	Ngắn	---	Rộng	Ngắn
	Môi trường nước mặt	-	Cục bộ	Ngắn	---	Rộng	Ngắn
	Nước ngầm	-	Cục bộ	Ngắn	---	Cục bộ	Dài
	Môi trường đất	----	Cục bộ	Ngắn	--	Cục bộ	Dài
	Hệ sinh thái trên cạn	---	Cục bộ	Ngắn	--	Cục bộ	Ngắn
	Hệ sinh thái dưới nước	-	Cục bộ	Ngắn	---	Cục bộ	Ngắn
	Hiệu ứng nhà kính				-	Rộng	Dài
	Phát triển kinh tế xã hội				+++	Rộng	Dài

	Đời sống dân cư	---	Cục bộ	Ngắn	+++	Rộng	Dài
	Việc làm	++	Cục bộ	Ngắn	+++	Rộng	Dài
	Sức khỏe cộng đồng	--	Cục bộ	Ngắn	-	Cục bộ	Dài

Ghi chú:

Tác động tích cực		Tác động tiêu cực	
+++	Mạnh	---	Mạnh
++	Vừa	--	Vừa
+	Nhỏ	-	Nhỏ
	Không rõ		Không rõ

7.2.4. Hiện trạng môi trường và xu thế diễn biến môi trường khi không có quy hoạch:

- Môi trường nước:

+ Nước mặt:

Hiện trạng: Nước mặt trong khu vực nghiên cứu có 02 hệ thống sông nhỏ ở phía Bắc và phía Nam Xã và các mặt nước nhỏ lẻ là các ao trong các điểm dân cư. Môi trường nước mặt trong vùng chưa có biểu hiện ô nhiễm.

Những nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước mặt:

Do nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn...chưa được xử lý chảy vào các lưu vực sông.

Hệ thống thoát nước ở trong khu vực nghiên cứu quy hoạch dùng chung cho cả thoát nước mưa, thoát nước thải sinh hoạt. Hệ thống thoát nước yếu kém, một số khu vực không có hệ thống thoát nước, không đáp ứng yêu cầu. Nước thải sinh hoạt không được xử lý tập trung.

Do rác thải từ các khu dân cư ven sông, lượng rác thải từ các hộ dân cư không được thu gom, xử lý mà vứt thẳng xuống suối.

Do hóa chất từ hoạt động nông nghiệp như thuốc trừ sâu, diệt cỏ, bảo vệ thực vật theo nước mưa từ các khu trồng rừng chảy ra các mặt nước trong xã.

+ Nước ngầm:

Hiện trạng: Chất lượng nước ngầm tương đối sạch.

Các nguyên nhân gây suy giảm chất lượng nước ngầm:

Tình trạng khai thác, sử dụng nước ngầm vào mục đích sinh hoạt, một cách tự phát, thiếu quy hoạch làm suy giảm nguồn nước cấp, gây sụt lún đất

Chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, nông nghiệp đã thải vào môi trường nước, đất và được tích lũy dài ngày vào trong các mạch nước ngầm, từ đó làm biến đổi chất lượng các nguồn nước ngầm phục vụ sinh hoạt.

Rác thải cũng là một nguyên nhân làm suy thoái chất lượng nước ngầm tầng nông.

- Môi trường không khí và tiếng ồn:

Hiện trạng: Môi trường không khí tại khu vực nghiên cứu quy hoạch chưa có biểu hiện ô nhiễm bởi các hơi khí độc. Chất lượng môi trường không khí đang chịu tác động chủ yếu bởi các hoạt động giao thông, xây dựng.

Các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí:

Hoạt động giao thông vận tải: Nguồn thải chủ yếu là khí thải của các phương tiện cơ giới tham gia giao thông, khu vực nghiên cứu quy hoạch có trục giao thông chính chạy qua, hoạt động của các phương tiện ô tô, xe gắn máy và các loại phương tiện cơ giới khác tham gia giao thông hàng ngày trên các tuyến đường sẽ làm phát sinh một lượng bụi và khí thải vào trong môi trường không khí. Theo xu thế phát triển kinh tế - xã hội và quá trình phát triển, hoạt động giao thông vận tải tại khu vực sẽ tăng cường, vì vậy lượng bụi phát sinh, các loại khí thải độc hại thải vào môi trường ngày một gia tăng.

Hoạt động xây dựng: Trong quá trình phát triển, việc xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà cửa và các công trình giao thông là một trong những nguồn phát sinh bụi, gây ô nhiễm môi trường không khí. Với tốc độ phát triển khá nhanh của hoạt động xây dựng hiện nay, nguy cơ gây ô nhiễm đối với môi trường không khí tại các khu vực đang có chiều hướng gia tăng.

- Môi trường đất:

Hiện trạng sử dụng đất: Nhìn chung môi trường đất trong khu vực chưa có sự biến đổi lớn. Tuy nhiên việc khai thác đất đai phục vụ cho các nhu cầu phát triển cũng đã có tác động bất lợi đến môi trường đất.

Những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng đất:

Tình trạng sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp đã làm đất đai bị ô nhiễm thoái hoá.

Nước thải sinh hoạt không xử lý cũng làm tăng nguy cơ ô nhiễm đất.

7.2.5. Dự báo, đánh giá tác động môi trường của việc thực hiện quy hoạch

- Môi trường kinh tế và xã hội:

Việc quy hoạch sẽ có tác động tích cực đến mỹ quan, cải thiện hệ thống giao thông, cấp thoát nước và điện chiếu sáng... Cùng với phát triển hạ tầng kỹ thuật là sự hình thành các công trình hạ tầng xã hội như các công trình y tế, văn hóa, giáo dục và thương mại dịch vụ... nhưng bên cạnh đó việc quy hoạch sẽ ảnh hưởng lớn đến một số hộ dân cư hiện đang sinh sống ở khu vực này. Tuy nhiên với sự phát triển của các khu trung tâm và khu sản xuất sẽ thu hút nhiều lao động có trình độ bằng cấp và tay nghề dẫn đến dịch chuyển cơ cấu lao động có trình độ của vùng, làm tăng thu nhập bình quân đầu người của vùng. Về mặt môi trường, xu hướng sẽ được cải thiện rất đáng kể khi các dự án cơ sở hạ tầng được xây dựng. Tuy nhiên trong tương lai nguy cơ ô nhiễm môi trường đối với các loại chất thải tăng lên.

- Môi trường đất:

Trong quy hoạch đến năm 2030 cùng với sự phát triển sẽ tạo ra một số tác động xấu đến môi trường đất của khu vực:

+ Một phần không nhỏ nước thải, rác, khí thải, chất hóa học, chuyên tải xăng dầu, sử dụng sinh hoạt làm ô nhiễm khu dân cư, môi trường sinh thái... trong đó có môi trường đất.

+ Đất nông nghiệp sẽ giảm đáng kể do chuyển qua đất chuyên dùng và xây dựng cơ bản.

+ Bên cạnh đó sự phát triển mạnh mẽ của các khu trung tâm cũng đã làm cho diện tích nông nghiệp bị mất dần, làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp dẫn đến tình trạng mất dần nguồn thu nhập của một số cư dân bản địa hiện đang sinh sống bằng nghề nông nghiệp.

+ Trong thi công các công trình như giao thông, xây dựng nhà ở, các công trình công cộng... thì việc san ủi sẽ phải diễn ra và chiếm một diện tích khá rộng với khối lượng đất cần di chuyển rất lớn. Tất cả những công việc này có thể làm cho môi trường đất thay đổi.

+ Nước thải sinh hoạt được hình thành trong quá trình sinh hoạt của con người nếu không qua xử lý có thể ngấm trực tiếp xuống đất cũng là một trong những nguyên nhân gây cho đất bị ô nhiễm.

+ Mật độ dân cư tăng do quá trình phát triển, nhiều khu dân cư mới được hình thành, nên số lượng dân số tăng nhanh, điều này cũng làm cho môi trường đất bị thu hẹp và bị bê tông hóa.

Ngoài tác động tiêu cực, nhiều tác động tích cực sẽ được mang lại như:

+ Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sẽ làm gia tăng giá trị sử dụng đất, sự phát triển của đời sống kinh tế người dân và giúp cho họ có nhiều cơ hội hơn trong việc cải thiện điều kiện nhà ở.

+ Như vậy, việc quy hoạch chung xây dựng xã không những đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, tạo được không gian cảnh quan, kinh tế phát triển mà còn đẩy mạnh hoạt động phát triển dịch vụ trong khu vực.

+ Tuy trong giai đoạn thi công sẽ có một số tác động xấu tới môi trường đất như: mất đất, thay đổi cơ cấu và chất lượng đất, xói mòn, đổ lở đất và ô nhiễm đất bởi các loại chất thải sinh hoạt và phế thải xây dựng... Tuy nhiên những tác động đó chỉ diễn ra trong thời gian ngắn và đất trong khu vực này có giá trị kinh tế không lớn nên việc thay đổi mục đích sử dụng đất sẽ mang lại hiệu quả cao hơn.

- Môi trường nước:

Tác động lớn nhất đến môi trường nước trong quá trình phát triển chính là làm gia tăng một khối lượng lớn nước sạch sinh hoạt được tiêu thụ hàng ngày và kéo theo tương ứng là lượng nước thải cần phải được xử lý. Đây là vấn đề rất đáng lo ngại đối

với môi trường nước của đô thị.

Quá trình thi công các công trình đường giao thông trong khu vực chiếm khối lượng công việc rất lớn. Các hoạt động của quá trình xây dựng các công trình giao thông diễn ra trên một phạm vi rộng sẽ có các tác động tới môi trường nước như làm thay đổi mặt đệm tự nhiên của những nơi tuyến đường mới sẽ được xây dựng (thay đổi lớp che phủ, thay đổi hệ số thấm) dẫn tới sự thay đổi quá trình hình thành dòng chảy mặt cũng như thay đổi chế độ bổ cập nước ngầm trong khu vực. Tuy nhiên trong phương án quy hoạch sẽ xây dựng trạm xử lý nước thải xử lý toàn bộ khối lượng nước thải của khu vực đảm bảo giữ sạch nguồn nước.

- Môi trường không khí-tiếng ồn:

Ảnh hưởng của hệ thống giao thông: Việc phát triển giao thông không tránh khỏi những vấn đề ô nhiễm do gia tăng giao thông gây nên. Tuy nhiên các định hướng quy hoạch giao thông, mạng lưới giao thông thiết kế hợp lý trong đồ án có nhiều tác động tích cực đối với môi trường, đặc biệt là giảm thiểu ô nhiễm khí thải, tiếng ồn giao thông và tránh ùn tắc, tai nạn giao thông đối với khu đô thị.

- Quản lý chất thải rắn:

Tác động do phát triển dân số: Ngoài chất thải rắn sinh hoạt, cần phải kể đến lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hệ thống cơ sở dịch vụ ... cũng tạo ra một khối lượng lớn chất thải rắn xây dựng. Tuy nguồn phát sinh chỉ mang tính chất tạm thời và sẽ chấm dứt khi dự án kết thúc nhưng chúng cũng có thể gây tác động xấu đến môi trường như làm tăng nồng độ bụi trong không khí, gây cản trở giao thông và mất mỹ quan trong đô thị nếu không được tổ chức thu gom triệt để.

Nhìn chung, quy hoạch chung sẽ gắn với việc đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ trong khu vực sẽ có tác động tích cực đến nền kinh tế, xã hội của địa phương và là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển chất lượng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo tiền đề cho việc thay đổi diện mạo, kiến trúc cảnh quan.

7.2.6. Giải pháp tổng thể giải quyết vấn đề môi trường trong đồ án quy hoạch

- Giải pháp kỹ thuật:

Hệ thống thoát nước trong xã được thiết kế riêng thoát nước mặt và nước thải. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế cho toàn bộ xã, hoàn toàn thu gom nước thải từ tất cả các khu vực dẫn đến trạm xử lý đến chất lượng đạt yêu cầu. Trong quản lý vận hành cần thực hiện nghiêm ngặt quy trình xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý cao và cần cách ly cây xanh để ngăn mùi hôi. Khu xử lý nước thải, trạm trung chuyển chất thải rắn bố trí cuối hướng gió.

Giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất: Để sử dụng hợp lý tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất, trước hết phải lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, làm cơ sở để giao đất cho các ngành và đối tượng sử dụng tại các địa bàn cụ thể. Đối với khu vực đô thị: nhất thiết phải có công trình xử lý nước thải, chất thải

để không làm ô nhiễm môi trường đất các khu vực dân cư trong vùng.

- Giải pháp bảo vệ môi trường không khí:

Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí: Việc xây dựng, cải tạo và phát triển dẫn đến việc nhà cửa và các cơ sở hạ tầng bị gỡ bỏ, đào bới, vận chuyển nguyên vật liệu và đổ bỏ rác thải. Đây là các nguồn gây ô nhiễm bụi trầm trọng, là nguyên nhân chính làm suy giảm chất lượng không khí các khu đô thị. Vì thế, giải pháp kỹ thuật giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí là xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng hợp lý và đồng bộ kết hợp với áp dụng các biện pháp giảm phát thải bụi, thu gom rác thải và vệ sinh đường phố, cải tạo hệ thống giao thông vận tải thông suốt, an toàn và thuận lợi.

Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động giao thông: Phát triển giao thông đô thị để tạo ra một hệ thống giao thông thông suốt, an toàn và thuận lợi. Thực hiện các tiêu chuẩn môi trường đối với động cơ ô tô, xe máy, khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng ít độc hại.

Giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn: Quy hoạch sử dụng đất đô thị và quy hoạch xây dựng phố phường hợp lý, có xem xét đến yêu cầu chống tiếng ồn như xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ, cửa hàng ở phía mặt đường để chắn bớt tiếng ồn cho các công trình cần được yên tĩnh được bố trí bên trong. Dành quỹ đất bố trí dải cây xanh hai bên đường sẽ có tác dụng vừa giảm ồn, vừa giảm ô nhiễm không khí.

- Giải pháp quy hoạch hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn:

Quy hoạch hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đóng một vai trò quan trọng trong việc lập quy hoạch. Nội dung trong quy hoạch hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn: Quy hoạch tổ chức các điểm thu gom và đưa về bãi rác chung ngoài phạm vi nghiên cứu quy hoạch.

- Giải pháp quản lý:

Thông qua việc bảo vệ và xây dựng mới các công trình văn hoá nhằm phát huy các giá trị văn hoá địa phương.

Điều tra cơ bản và triển khai chương trình quan trắc về tài nguyên nước mặt, nước ngầm trong vùng.

Tăng cường quản lý việc sử dụng phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật trong nông nghiệp.

Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải tập trung trong xã

Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các dự án phát triển trên địa bàn.

Khuyến khích áp dụng các sáng kiến về công nghệ mới, sản xuất sạch hơn.

Lập kế hoạch bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn nước trong vùng, bảo vệ chất lượng nguồn nước ngầm, đảm bảo nước sạch vệ sinh môi trường.

Thiết lập hệ thống quản lý an toàn giao thông.

Nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng tham gia giữ gìn vệ sinh

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Đồ án quy hoạch cụ thể hoá định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Mỹ Đức trong việc phát triển xây dựng trên địa bàn xã đến năm 2030, phù hợp với đặc điểm sinh thái, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư trong vùng và đáp ứng được các tiêu chí về nông thôn mới, làm cơ sở để từng bước đầu tư xây dựng nhằm nâng cao cuộc sống của người dân nông thôn.

Đề nghị UBND huyện Mỹ Đức sớm phê duyệt đồ án làm cơ sở cho việc triển khai Đề án xây dựng mô hình nông thôn mới cũng như triển khai lập quy hoạch chi tiết các điểm dân cư trên địa bàn xã An Mỹ.

Trong quá trình thực hiện xây dựng theo đồ án quy hoạch, chính quyền xã An Mỹ cần quan tâm đến việc cải tạo môi trường cảnh quan, đặc biệt ở khu vực trung tâm xã và dọc theo các trục đường giao thông chính của xã để phù hợp với yêu cầu về nông thôn mới.

Chính quyền xã An Mỹ cần kết hợp với các phòng ban chức năng của huyện có sự hướng dẫn cho người dân khi họ có nhu cầu cải tạo hoặc xây mới nhà ở trong việc tổ chức lô đất ở, tầng cao công trình, mật độ xây dựng và yêu cầu kiến trúc theo đúng các chỉ tiêu đã đặt ra trong đồ án.

Chủ động lập các dự án đầu tư để tranh thủ huy động các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cũng như của người dân.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho nhân dân toàn xã biết về các nội dung xây dựng NTM để vận động người dân tự nguyện tham gia chương trình

Tổ chức các lớp tập huấn cho người dân và cán bộ về yêu cầu xây dựng NTM thời kỳ CNH-HĐH.

Trân trọng!

PHỤ LỤC 01: HỒ SƠ BẢN VẼ